

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC – LÀO - CAMPUCHIA

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP VỚI VĂN HÓA BIỂN ĐẢO VÀ VĂN HÓA QUÂN SỰ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

Trân trọng giới thiệu bài tham luận của PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn - Viện phó Viện Văn học "Đại tướng Võ Nguyên Giáp với văn hoá biển đảo và văn hoá quân sự biển đảo Việt Nam" do Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và Phát huy Văn hóa Dân tộc, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, tạp chí Văn hiến Việt Nam phối hợp tổ chức ngày 21/12/2018 nhân kỷ niệm 74 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1994 - 22/12/2018) và 5 năm ngày mất của Đại tướng.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp kiểm tra vùng biển, đảo Hạ Long cùng Tư lệnh Hải quân Nguyễn Bá Phát dịp Tết Nguyên đán năm 1970. Ảnh: Tư liệu

Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1911-2013) là một nhà chỉ huy quân sự và chính trị gia xuất sắc của đất nước thời hiện đại. Các nhà quân sự và học giới đã khẳng định Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa quân sự Việt Nam hiện đại, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đương nhiên trong đó có văn hóa biển đảo và văn hóa quân sự biển đảo.

Trong một số năm gần đây, vấn đề khái niệm "Văn hóa quân sự", cụ thể hơn là "Văn hóa quân sự Việt Nam" ngày được quan tâm nghiên cứu, thảo luận sâu rộng hơn. Liên quan đến việc xác định khái niệm "Văn hóa quân sự", nhà ngôn ngữ học Phạm Văn Tình đánh giá cao đóng góp của Dương Xuân Đồng trong công trình Văn hóa quân sự Việt Nam - Văn hóa giữ nước cả về nội hàm khái niệm cũng như sự tương hợp với các triển khai nội dung và cấu trúc các chương mục: "Mỗi khái niệm hình thành đều xuất phát từ thực tế và mang nội hàm cụ thể. Dương Xuân Đồng cho rằng: "Văn hóa quân sự không phải là một bộ môn khoa học về lịch sử quân sự, mà là bộ môn khoa học về phương pháp hành động quân sự, cũng gọi là văn hóa học quân sự". Cũng theo ông, nó bao gồm 3 thành tố

chính: "Một là, mối quan hệ giữa con người với đấu tranh vũ trang chống ngoại xâm trong tương quan lực lượng luôn phải "lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh"; hai là, từ đó xác định ra phương pháp hành động thích hợp và hiệu quả bằng "chiến tranh nhân dân"; ba là, phương pháp đó bị uốn cong và bẻ gãy qua thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt. Bởi vậy, nó có một sắc thái riêng, rất độc đáo, không hề giống bất cứ dân tộc nào trên thế giới, trong quá trình đấu tranh vũ trang lâu dài và chiến thắng hầu như gần hết mọi đạo quân xâm lược để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc" ...

Trong giới hạn cụ thể, nội dung và phạm vi văn hóa quân sự biển đảo được hiểu như một chi lưu của văn hóa quân sự Việt Nam có liên quan, tương hợp và giao thoa với văn hóa biển đảo nói chung. Trên thực tế, khái niệm "biển đảo" thường bao gồm cả biển khơi, hải đảo và duyên hải. Việt Nam có vùng biển đảo rộng dài nên đã hình thành cả một tuyến văn hóa duyên hải và biển đảo (gọi chung là vùng văn hóa biển đảo) tiếp nối liên tục từ Quảng Ninh đến Kiên Giang. Nói riêng bờ biển có trên 3.260km trải dài từ Bắc tới Nam, đứng thứ 27 trong số 157 đảo quốc và quốc gia ven biển trên thế giới. Vùng văn hóa biển đảo có nhiều nét đặc thù, có thể được đặt trong nhiều hệ quy chiếu và tương quan khác nhau trong tổng thể bảng màu văn hóa Việt Nam. Thứ nhất, so với các vùng văn hóa đồng bằng và miền núi, tuyến văn hóa biển đảo có vùng biên giới NƯỚC, không gian trải dài ở phía Đông và Nam, mở rộng ở Biển Đông – Thái Bình Dương; thứ hai, theo nhóm nghiên cứu Trần Quốc Vượng, văn hóa biển đảo được lồng ghép, đan xen, phối kết trong tương quan ba vùng đồng bằng: châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ; thứ ba, có thể nương theo sự định danh bảy vùng du lịch mà xác định có tới năm tiểu vùng văn hóa biển đảo (Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc - Bắc Trung Bộ - Duyên hải Nam Trung Bộ - Đông Nam Bộ - Tây Nam Bộ), bên cạnh hai vùng văn hóa miền núi (phía Bắc và Tây Nguyên)... Điều này tạo nên sự đa dạng các vùng văn hóa cũng như chính kết quả học thuật bước đầu trong việc tìm hiểu, nghiên cứu về văn hóa - văn học biển đảo Việt Nam Nhà sử học Trần Quốc Vượng đã khái quát đặc tính điều kiện tự nhiên của Việt Nam: "Một đặc điểm nổi bật của tự nhiên Việt Nam là tính chất bán đảo: nước Việt Nam nằm trong bán đảo Đông Dương, lại chiếm trọn phần đông của bán đảo ấy nên tính chất bán đảo càng nổi trội" ...

Đặc tính bán đảo và vị trí biển đảo Việt Nam – Biển Đông được cụ thể hóa và nhấn mạnh về vị thế chiến lược: "Việt Nam giáp với Biển Đông ở ba phía: Đông, Nam và Tây Nam... Biển Đông là một trong những khu vực có tầm quan trọng chiến lược đối với các nước thuộc khu vực châu Á – Thái Bình Dương, châu Mỹ và nhiều quốc gia khác trên thế giới. Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của khoảng 300 triệu người" ... Có thể dẫn giải thêm rằng đặc tính bán đảo cần được nhấn mạnh ở mối liên hệ cơ hữu đất liền - biển đảo, tức là biển đảo bao giờ cũng được đặt trong tương quan và sự chi phối của chủ thể con người trong đất liền, gần cận và trực tiếp nhất là các vùng duyên hải - biển đảo, không thể có chuyện cơ giới tách biệt khỏi biển đảo khỏi mối liên hệ với đất liền - duyên hải. Việt Nam có vùng biên giới biển đảo rộng dài nên trong suốt nửa đầu thế kỷ XX đã xuất hiện nhiều tác phẩm du ký, ghi chép, điều tra về các vùng duyên hải và biển đảo từ Quảng Ninh đến Kiên Giang (gồm 5 vùng: Quảng Ninh – Hà Tĩnh, Quảng Bình – Bình Định, Phú Yên – Bắc Bình Thuận, Nam Bình Thuận – Bạc

Liêu, Cà Mau – Kiên Giang). Trên cơ sở kết quả sưu tập tư liệu văn bản sẽ tiến hành nghiên cứu theo hệ thống chuyên đề, chủ đề, nội dung các tác phẩm du ký liên quan đến các vùng biển đảo Việt Nam (chủ yếu là các sáng tác văn xuôi theo phong cách ký, ký sự, ghi chép, hồi ức về các chuyến đi, các điểm du lịch, các điểm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và nhiều phương diện của an ninh, quốc phòng, kinh tế, hoạt động du lịch, xã hội học, dân tộc học khác nữa). Trên thực tế, khái niệm “vùng biển đảo” thường bao gồm cả biển khơi, hải đảo và duyên hải” ...

Một sự khái lược về vấn đề biển đảo và văn hóa biển đảo nói trên để thấy được tầm quan trọng của các vùng biển đảo mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp đặc biệt quan tâm. Xin dẫn biên niên qua các nguồn thông tin chính sử về mối quan hệ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với biển đảo và sự quan tâm tới lực lượng hải quân Việt Nam.

- Ngày 8/3/1949, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam ra Nghị định số 604/QĐ, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp kí, thành lập Ban Nghiên cứu thủy quân thuộc Bộ Tổng tham mưu, tiến tới thành lập lực lượng hải quân...

- Ngày 24/8/1955, thành lập hai thủy đội Sông Lô và Bạch Đằng tại Trường Huấn luyện bờ biển, bên bờ sông Cẩm (Hải Phòng). Đại tướng Võ Nguyên Giáp tham dự và chỉ thị: “Các đồng chí là những người được lựa chọn trong toàn quân về để xây dựng binh chủng mới của Quân đội nhân dân Việt Nam. Hai thủy đội này là những viên gạch đầu tiên, là tiền thân của lực lượng tàu chiến đầu tiên của Hải quân nhân dân Việt Nam sau này... Bờ biển nước ta dài và rộng, trên bờ có đông dân cư, có các trung tâm kinh tế, chính trị quan trọng, dưới biển có nhiều tài nguyên quý giá. Kẻ địch còn đang lén lút phá hoại. Các đồng chí từ con em của nhân dân mà ra, nên phải ra sức phát huy truyền thống của quân đội nhân dân anh hùng, hãy dũng cảm khắc phục khó khăn để làm tròn nhiệm vụ bảo vệ bờ biển của Tổ quốc, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân ta”...

- Ngày 23/6/1961, Đường Hồ Chí Minh trên biển, tên gọi tuyến đường vận tải quân sự do Hải quân nhân dân Việt Nam và Quân giải phóng miền Nam Việt Nam thực hiện bí mật trên biển Đông chính thức thành lập.

Đại tướng nhắc nhở cán bộ chiến sĩ làm nhiệm vụ vận tải đường biển: “Đường biển là đường duy nhất có thể chi viện cho đồng bằng sông Cửu Long. Vậy ta phải giữ cho được bí mật về con đường này. Phải kiểm tra thật kỹ, nắm chắc từng chuyến đi vào Khu 5. Không có một sai sót nhỏ đáng tiếc khiến kẻ địch nghi ngờ, ngăn chặn ta chi viện bằng đường biển cho các chiến trường Nam Bộ và Khu 5” ...

- Tháng 11/1964, sau khi chuyển chở hàng từ miền Bắc vào bến Lộ Giao (Bình Định) bị địch phát hiện, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kịp thời chỉ thị: “Không sử dụng bến Lộ Giao nữa, phải theo dõi chặt chẽ tình hình địch ở quanh khu vực vào, xem chúng có phát hiện ra ý đồ của ta không. Các đồng chí cần tìm bến mới ở Phú Yên, nơi đang cần vũ khí”...

- Ngày 9/7/1966, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra quyết định thành lập Trung đoàn 171 tàu tuần tiểu săn ngầm thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân và thành lập Trung đoàn 172 tàu phóng lôi làm nhiệm vụ đánh tàu địch...

- Tháng 2/1965, sau khi việc vận chuyển tàu chở hàng vào Vũng Rô bị địch phát hiện, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra chỉ thị: “Phải ngừng ngay việc vận

chuyển bằng đường biển vào miền Nam. Cần tổ chức rút kinh nghiệm sâu sắc về việc này từ cơ quan cấp trên đến đơn vị cơ sở để tiếp tục làm tốt hơn”...

- Tháng 8/1970, tham dự lễ kỷ niệm 15 năm thành lập Quân chủng Hải quân và kỷ niệm 6 năm đánh thắng trận đầu của Quân chủng (7-5-1964), Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: “Trải qua 15 năm xây dựng và chiến đấu, hải quân ta đã có những tiến bộ lớn, cùng với toàn quân và toàn dân lập được nhiều thành tích và chiến công xuất sắc. Những chiến công và thành tích đó càng tô thắm thêm truyền thống tốt đẹp 'chiến đấu anh dũng, mưu trí sáng tạo, khắc phục khó khăn, quyết chiến quyết thắng' của Hải quân nhân dân Việt Nam”...

- Tháng 10-1970, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gặp gỡ biểu dương, khen ngợi thành tích của cán bộ, thủy thủ tàu 121...

- Tháng 7-1972, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho xuất bản sách chuyên đề Chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông biển...

- Tháng 3-1975, ngay sau khi chiến thắng Buôn Ma Thuột, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng với Quân ủy Trung ương kiến nghị Bộ Chính trị: “Vừa chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, vừa tiến hành giải phóng các đảo và quần đảo quân nguy đang chiếm giữ”...

- Ngày 2-4-1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ thị: “Ngoài nhiệm vụ truyền đạt mệnh lệnh cho quân khu V và Bộ Tư lệnh Hải quân, tổ chức tiến công giải phóng các đảo, đặc biệt là quần đảo Trường Sa” và nhấn mạnh: “Vùng này có thể có tàu chiến của Hạm đội 7 và hải quân các nước khác hoạt động. Hải quân nguy cũng được trang bị các loại tàu lớn. Do đó, nghệ thuật tác chiến phải kiên quyết, táo bạo, đồng thời phải hết sức mưu trí, sáng tạo, bất ngờ”, đồng thời chỉ đạo cụ thể: “Các đơn vị có nhiệm vụ sẵn sàng, có thời cơ là đánh được ngay, bảo đảm chắc thắng. Đánh phải đúng lúc. Nếu có hiện tượng chúng rút, phải tranh thủ đánh chiếm ngay. Nếu tình hình chung địch bị nguy khốn, nhất là ở Sài Gòn, Bộ sẽ thông báo để kịp thời đánh chiếm. Nếu quân nước ngoài đã chiếm đảo thì ta kiên quyết chiếm lại. Nếu có khó khăn thì xin chỉ thị của Bộ”, v.v...

Đến đây chúng tôi tập trung giới thiệu phân tích bài nói và cũng là tư tưởng quân sự và văn hóa quân sự biển đảo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với nhan đề Chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông biển... Công trình đúc kết sâu sắc về nghệ thuật chiến tranh sông biển và văn hóa quân sự sông biển của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gồm ba phần: 1) Những bước phát triển thắng lwoji của chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông biển; 2) Hải quân là lực lượng nòng cốt của chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông biển; 3) Ra sức hoàn thành nhiệm vụ trước mắt, góp phần đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược... Trước hết, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh đặc điểm và tầm quan trọng của cơ sở Địa – tự nhiên, Địa – quân sự, Địa – văn hóa sông biển Việt Nam:

“Nước Việt Nam ta có bờ biển rất dài. Đối với một nước đất không rộng lắm như nước ta thì chiều dài của bờ biển cùng với hệ thống sông ngòi khá phát triển là một đặc điểm khác với nhiều nước.

Bờ biển nước ta địa hình phức tạp. Có nơi là vùng quần đảo hiểm trở, với hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ như ở vịnh Hạ Long và Bái Tử Loan; có nơi là những baxci cát dài bằng phẳng ven theo mép nước như vùng duyên hải đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ; có nơi thì núi ra tới biển, tạo thành những vịnh kín đáo như Đà Nẵng, Cam Ranh” ...

Như vậy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chú trọng đến cả nơi biển đảo xa và gần, mối liên hệ chặt chẽ giữa vùng biển đảo và duyên hải và nhấn mạnh: “Trên biển thì có vùng ven biển, vùng biển gần, vùng quần đảo, vùng biển xa. Trong điều kiện của hải quân ta hiện nay, trang bị kỹ thuật còn hạn chế, việc đánh địch ở ven biển, ở biển gần và ở các quần đảo cần được hết sức coi trọng. Đồng thời, với sự lớn mạnh của quân đội, của hải quân, ta có thể mở rộng phạm vi đánh địch ra xa hơn nữa” (tr.25)... Có thể nhận ra định hướng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong một thể trận liên hoàn, nhiều vòng nhiều lớp của các vùng biển đảo, sông biển và duyên hải. Đây là nhận thức có ý nghĩa minh triết trong chiến lược xây dựng lực lượng hải quân nhân dân Việt Nam từ ngày thành lập cho đến ngày nay.

Một điều đặc biệt quan trọng khác về văn hóa quân sự biển đảo được trình bày trong chuyên đề của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là vấn đề con người, chủ thể của sông biển và cũng là chủ thể của mọi cuộc chiến tranh. Có thể nói ngay cả ở đây nữa, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã kế thừa và phát triển xuất sắc tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi (1380-1442): Phúc chu thủy tín dân do thủy,/ Thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên – Quan hải (Lật thuyền mới rõ dân như nước,/ Cậy hiểm không xoay mệnh ở trời – Đóng cửa biên)...

Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: “Lực lượng nhân dân ven biển, ven sông đã tỏ rõ kharnawng to lớn trong hoạt động chiến đấu trên chiến trường sông biển. Những toán biệt kích của địch từ đường biển xâm nhập để phá hoại miền Bắc nước ta, phần lớn đều do dân quân du kích ven biển, ven sông tiêu diệt. Việc tuần tiễu trên biển gần và ở vùng ven biển cũng dựa vào lực lượng dân đánh cá. Trong việc chống lại thủy lôi, bom từ trường của địch, dân quân ven biển, ven sông là lực lượng tại chỗ quan sát hoạt động của địch, đánh dấu địa điểm, giải quyết nhanh chóng. Dân quân ven biển ở một số địa phương đã có những đơn vị pháo binh bắn chìm, bắn cháy tàu địch. Những điều đó càng chứng tỏ khả năng tiến lên của nhân dân ven biển, ven sông trong nhiệm vụ bảo vệ vùng biển vafsoong ngòi của ta” (tr.30)... Có thể nói đây là tư tưởng chỉ đạo của quan điểm quân đội “từ nhân dân mà ra”, gắn kết giữa lực lượng hải quân với nhân dân, đặt nhân tố con người lên trên hết, trước hết. Có thể nói niềm tin vào chiến sĩ hải quân và nhân dân các vùng biển đảo thể hiện nhân quan chính trị và thực tế sâu rộng, đầy tính nhân văn, căn tính văn hóa quân sự biển đảo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Trên một phương diện khác, bên cạnh các nội dung chuyên môn xây dựng lực lượng hải quân vững mạnh, chính qui, hiện đại (xây dựng tổ chức Đảng, hợp đồng bình chủng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ cán bộ, công tác nghiên cứu, tổng kết và nhà trường...), Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ quốc phòng và xây dựng kinh tế, chiến đấu và sản xuất. Ngay giữa thời chiến nhưng Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn khuyến khích và nhấn mạnh: “Phải kết hợp tốt nhiệm vụ sản xuất với nhiệm vụ chiến đấu, nâng cao kỹ thuật sản xuất đồng thời rèn luyện kỹ thuật quân sự; như vậy, thời bình là lực lượng sản xuất giỏi, thời chiến là lực lượng chiến đấu mạnh” (tr.30); “Cơ sở vật chất kỹ thuật của hải quân gắn liền với tieefmlwjc kinh tế và quốc phòng. Tiềm lực kinh tế và quốc phòng mạnh thì quân đội mạnh, hải quân mạnh. Vì vậy, kết hợp kinh tế với quốc phòng trong xây dựng hải quân là một vấn đề rất quan trọng; có giải quyết tốt vấn đề đó thì mới tạo được điều kiện thuận lợi để xây dựng hải quân” (tr.32); “Thực hiện tốt việc kết hợp kinh tế với quốc phòng,

tích cực tham gia xây dựng kinh tế” (tr.38)... Có thể coi đây là cốt lõi triết lý văn hóa quân sự biển đảo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp bởi ông đã nhìn ra mối quan hệ biện chứng giữa tiềm lực hải quân và kinh tế, chiều sâu bền vững giá trị văn hóa của sự kết hợp sản xuất và chiến đấu, tinh thần “ngụ hải binh ư ngư nghiệp”. Bởi chỉ có sự kết hợp binh – ngư này mới tạo nên sức mạnh tổng hợp cho các vùng duyên hải và biển đảo, tạo nên khả năng độc lập tự cường, sức mạnh bền vững cho một chiến lược lâu dài.

Lời kết mở

Nói riêng trên phạm vi lực lượng hải quân gắn với biển đảo, sông biển và các vùng duyên hải, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cảm nhận, đo lường và xác định đầy đủ chiều sâu văn hóa quân sự biển đảo. Trên tinh thần chung, đó là văn hóa quân sự biển đảo vì con người, được xác lập trên bản lĩnh, sức mạnh của chiến sĩ hải quân và nhân dân các vùng biển đảo, sông biển và duyên hải; sự gắn kết quân dân và nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng gắn kết với chiến lược kinh tế biển bền vững. Cần nhấn mạnh thêm, đặc tính văn hóa quân sự biển đảo nói riêng trong chuyên đề Chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông biển giữa những ngày chiến tranh ác liệt cũng như toàn bộ giá trị tinh thần văn hóa quân sự biển đảo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp có một vị trí quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa quân sự Việt Nam và thực sự còn có ý nghĩa soi sáng cho nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng đất nước hôm nay và mai sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Anh [2011], Đại tướng Võ Nguyên Giáp với Hải quân Việt Nam. Nguồn: <https://www.vietnamplus.vn> › Đời sống › Phong cách, 24/08/2011 13:30 GMT+7
2. Bộ Thông tin và truyền thông [2015], 100 câu hỏi – đáp về biển, đảo Việt Nam. Nxb. Thông tin và truyền thông, H...
3. Dương Xuân Đồng [2014], Về mấy vấn đề lý luận của văn hóa quân sự. Văn hóa Nghệ thuật, số 393, tháng 3...
4. Dương Xuân Đồng [2017], Văn hóa quân sự Việt Nam - Văn hóa giữ nước. Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H...
5. Lê Quý Đức [2014], Một số vấn đề về lý luận văn hóa quân sự. Văn hóa Nghệ thuật, số 360, tháng 6...
6. Võ Nguyên Giáp (1972), Chiến tranh nhân dân trên chiến trường sông biển. Nxb. Quân đội nhân dân, H., 40 trang.
7. Lê Văn Quang - Văn Đức Thanh [2002], Văn hóa quân sự Việt Nam. Nxb. Quân đội nhân dân, H...
8. Nguyễn Hữu Sơn [2014], Vai trò chủ thể tác giả trong du ký về các vùng biển đảo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Nghiên cứu Văn học, số 8.
9. Văn Đức Thanh (Tổng chủ biên) [2014], Văn hóa quân sự Việt Nam, truyền thống và hiện đại. Nxb. Chính trị Quốc gia, H...
10. Phạm Văn Tình [2017], “Tập đại thành” về văn hóa quân sự Việt Nam. Nguồn: www.qdnd.vn, Văn học - Nghệ thuật, 06/08/2017 20:37.
11. Trần Quốc Vượng [2003], Văn hóa Việt Nam – Tìm tòi và suy ngẫm. Nxb. Văn học, H...

Nguyễn Hữu Sơn // <http://vanhien.vn>.- 2019 (ngày 5 tháng 3)

TRUNG QUỐC CHƯA BAO GIỜ CÓ CHỦ QUYỀN Ở HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

Trong suốt 22 thế kỷ, từ các đời Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế, Tống Thần Tông, Minh Thành Tổ đến giữa thế kỷ XX (1951), tài liệu chính sử Trung Quốc đã chưa bao giờ cho thấy chủ quyền của họ đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (mà họ gọi là Tây Sa và Nam Sa) trên Biển Đông của Việt Nam (mà họ gọi là Biển Hoa Nam). Chỉ từ những năm giữa thế kỷ XX trở lại đây, Trung Quốc thay đổi thái độ và liên tục lên tiếng đòi hỏi chủ quyền "bất khả tranh nghị" đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tuy nhiên, họ không đưa ra được cơ sở pháp lý hay một bằng chứng lịch sử nào đáng tin cậy cho thấy họ có chủ quyền hợp pháp trên các quần đảo này.



Tuần tra bảo vệ chủ quyền trên đảo Song Tử Tây, quần đảo Trường Sa, Việt Nam

Trung Quốc đòi hỏi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chỉ dựa trên các tài liệu của các nhà du hành, thám hiểm và dĩ nhiên, theo công pháp quốc tế những tài liệu này không phải là các tư liệu chính thức của Nhà nước có thể dựa vào để chứng minh chủ quyền và sự kiểm soát chính thức của Trung Quốc tại các quần đảo này. Các bản đồ cổ mà Trung Quốc trưng ra để làm bằng chứng lịch sử cũng không phải là bản đồ chính thức của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Thậm chí, cho đến cuối thế kỷ XX, tài liệu chính sử ghi chép lại cho thấy Trung Quốc vẫn không coi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của họ. Điều này được ghi nhận bởi các sự kiện liên quan đến 2 tàu La Bellona và Imoji Maru vận chuyển đồng dưới sự bảo hiểm của các công ty Anh quốc. Hai tàu này bị chìm trong khu vực quần đảo Hoàng Sa (Paracels), trong các năm

1895 và 1896. Các ngư dân Trung Quốc từ đảo Hải Nam đã thu nhặt đồng từ xác tàu chìm và đem đi bán cho các thương nhân ở Hải Nam. Các công ty bảo hiểm của hai con tàu đã phản đối với Chính phủ Trung Quốc, đòi Trung Quốc phải chịu trách nhiệm. Khâm sai Quảng Đông lúc đó đã trả lời Công sứ Anh tại Bắc Kinh rằng: "Paracels là những hòn đảo vô chủ, chẳng thuộc Trung Quốc cũng như chẳng thuộc An Nam, về mặt hành chính chúng không nằm trong địa phận của quận huyện nào ở Hải Nam và cũng không có cơ quan đặc trách nào lo việc cảnh sát ở đó cả". Trước những sự thật lịch sử hiển nhiên như vậy, Trung Quốc vẫn mạo nhận rằng họ đã chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ thứ XV trong chuyến đi thứ tư của Trịnh Hòa năm 1413. Tuy nhiên, trong các sách sử chính thức của Trung Quốc ghi chép về những chuyến hải hành phái bộ Trịnh Hòa không phải để chinh phục vùng Biển Đông (mà họ gọi là Biển Hoa Nam) nơi có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đoàn thuyền của phái bộ này chỉ đi ngang qua Biển Đông hướng về Ấn Độ Dương, không hề ghé lại các đảo hay quần đảo nào của Việt Nam.



Chùa Việt Nam trên đảo Trường sa Lớn

Theo luật pháp quốc tế, muốn xác lập chủ quyền lãnh thổ trên biển và hải đảo phải hội đủ 3 điều kiện: phải có sự thực thi chủ quyền của Nhà nước; thực thi một cách liên tục và lâu dài; được sự thừa nhận của các quốc gia duyên hải, đặc biệt là các quốc gia tiếp cận và đối diện. Những tài liệu chính sử của Trung Quốc cho thấy cho đến thế kỷ XIX người Trung Quốc cũng chỉ đi ngang qua các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, không hề có việc tuyên bố, hành xử chủ quyền lâu dài và liên tục tại các đảo này. Thậm chí, có tài liệu của Trung Quốc còn mặc nhiên công nhận sự liên hệ của các quần đảo này với Việt Nam. Cuốn Hải Lục của Vương Bình Nam (1820-1842) viết: "Lộ trình phía ngoài được nối với lộ trình phía

trong bởi Vạn Lý Trường Sa nằm giữa biển. Chiều dài của quần đảo khoảng vài chục ngàn dặm. Nó là bức phen dậu phòng thủ biên giới phía ngoài của nước An Nam”. Hơn nữa, chính sử nhà Thanh còn ghi rõ cho đến cuối thế kỷ XIX lãnh thổ Trung Quốc chỉ chạy đến đảo Hải Nam tại vĩ tuyến 18 là hết, trong các bản đồ chính thức của triều đình không hề có các địa danh Tây Sa, Nam Sa hay Vạn Lý Trường Sa... Có thể khẳng định rằng nhà Thanh kết thúc từ năm 1911 chưa bao giờ tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vì vậy, càng không bao giờ có cái gọi là "vùng biển lịch sử" bao chiếm hầu như toàn bộ Biển Đông do Trung Quốc tự tuyên bố như là "ao nhà" của họ từ hàng ngàn năm về trước.



Bà con dân tộc miền núi Việt Nam thăm UBND xã đảo Song Tử Tây, quần đảo Trường Sa

Luật quốc tế cũng cho phép thủ đắc lãnh thổ do chiếm cứ, tuy nhiên phải hội đủ các điều kiện sau đây: chiếm cứ thực sự; chiếm cứ công khai; và chiếm cứ hoà bình. Không thể phủ nhận một sự thật lịch sử là vào năm 1956, Trung Quốc đã bí mật chiếm cứ vũ trang các đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa. Năm 1974, Trung Quốc tiếp tục dùng vũ lực chiếm đoạt toàn bộ các đảo phía tây quần đảo Hoàng Sa từ Hải quân Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1988, Trung Quốc tiếp tục đưa tàu chiến vũ trang hạng nặng chiếm đoạt một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Những vụ chiếm cứ này của Trung Quốc không mang tính hòa bình mà do sử dụng vũ lực mang tính xâm lăng nên không bao giờ được luật pháp quốc tế công nhận. Do đó, những đảo mà Trung Quốc đã cưỡng chiếm bằng vũ lực trên Biển Đông không được coi là hợp pháp nên không bao giờ có chủ quyền theo luật pháp quốc tế. Trong khi đó, Việt Nam đã chiếm cứ, quản lý, khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa công khai, liên tục, lâu dài và hoà bình ít nhất từ thế kỷ XVII cho đến nay, nên theo luật pháp quốc tế, Việt Nam có đủ điều kiện xác

lập và hành xử chủ quyền của mình trên hai quần đảo này, kể cả các đảo đã bị cưỡng đoạt bằng vũ lực và đang bị Trung Quốc chiếm đóng bất hợp pháp.



Đảo Trường Sa Lớn

Khi Thế chiến thứ II còn đang tiếp diễn, năm 1943, đại diện ba cường quốc đồng minh là Hoa Kỳ, Anh và Trung Hoa Dân Quốc đã họp tại Cairo (Ai Cập) ra Tuyên cáo Cairo ngày 27-11-1943. Điều đáng lưu ý là tại Hội nghị Cairo, Trung Hoa Dân Quốc không hề đòi hỏi chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tháng 7-1945, đại diện Hoa Kỳ, Anh và Liên Xô họp tại Potsdam (Đức) ra Tuyên ngôn Potsdam ngày 26-7-1945, trong đó có việc ấn định thể thức giải giới quân đội Nhật tại Thái Bình Dương. Theo đó, Trung Quốc có nghĩa vụ giải giới quân đội Nhật tại Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc kể cả quần đảo Hoàng Sa; quân đội Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam kể cả quần đảo Trường Sa. Giải giới không có nghĩa là tiếp thu hay chiếm lãnh thổ. Do đó nếu Anh không có chủ quyền lãnh thổ ở Trường Sa thì Trung Quốc cũng không có chủ quyền lãnh thổ tại Hoàng Sa, và dĩ nhiên cũng không có chủ quyền ở Trường Sa. Tại Hội nghị San Francisco năm 1951 Nhật Bản đã khước từ chủ quyền lãnh thổ tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà nước này chiếm đóng trong chiến tranh. Hội nghị cũng đã phủ nhận chủ quyền của Trung Quốc và mặc nhiên thừa nhận chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này. Ngày 7-5-1951, tại phiên họp toàn thể Hội nghị, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Chính phủ Quốc gia Việt Nam Trần Văn Hữu đã lên diễn đàn công bố chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và không có sự phản kháng nào của tất cả các quốc gia tham dự hội nghị. Về mặt pháp lý quốc tế, với sự công bố chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trước 51 quốc gia hội viên Liên Hợp Quốc, có nghĩa là kể từ năm 1951 các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được cộng đồng thế

giới thừa nhận thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Điều này có giá trị tuyệt đối, kể cả đối với các quốc gia không tham dự Hội nghị. Ba năm sau, Hiệp định Genève 1954 tiếp tục khẳng định rõ ràng chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngoài ra, Hiệp định Genève 1954 cũng khẳng định: "Các quốc gia tham dự Hội nghị Genève (trong đó có Trung Quốc) cam kết tôn trọng chủ quyền độc lập, nền thống nhất quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam".



Đoàn đại biểu các dân tộc Việt Nam tại mốc chủ quyền trên đảo Trường Sa Lớn

Căn cứ vào những tài liệu lịch sử chính thức có giá trị pháp lý quốc tế, Trung Quốc đã ý thức được sự yếu kém của họ về cả 3 mặt pháp lý, địa lý và lịch sử. Do đó, họ không bao giờ dám công khai thảo luận về vấn đề tranh chấp chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như các đảo khác trên Biển Đông. Họ thường né tránh và luôn tuyên bố đó là một vấn đề "không thể chối cãi" hay "không thể tranh luận". Lý do rất đơn giản vì họ không có đủ tài liệu hay lý lẽ để có thể đưa ra tranh nghị một cách công khai trước sự giám sát của cộng đồng quốc tế cũng như của các tổ chức đảm bảo việc thực thi luật pháp quốc tế để có thể chứng minh chủ quyền hợp pháp của họ tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Theo luật pháp quốc tế, ngày nay tất cả các cuộc xâm chiếm lãnh thổ bằng vũ lực đều bị coi là bất hợp pháp nên không có giá trị pháp lý để xác lập chủ quyền lãnh thổ. Do đó, các đảo mà Trung Quốc đã cưỡng chiếm bằng vũ lực và đang chiếm giữ bất hợp pháp trên Biển Đông, cũng như tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam là không bao giờ thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc.

Theo Đại đoàn kết

Đưa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng vào cuộc sống

PHÁT HUY VAI TRÒ NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên (CB, ĐV) “vừa hồng, vừa chuyên”, luôn nêu gương trước quần chúng với tinh thần “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Người rất hiểu và vận dụng khéo léo, hợp lý các nguyên lý, bản chất nêu gương. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã thực hành nêu gương, trở thành tấm gương sáng ngời trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm đến giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ CB, ĐV, coi đó là một trong những phương thức lãnh đạo và là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Việc nêu gương của CB, ĐV đã được đề cập từ lâu trong các nghị quyết, quy định của Đảng. Đặc biệt, ngày 25-10-2018, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Quy định số 08-QĐi/TW về trách nhiệm nêu gương của CB, ĐV, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Đây là quy định mới nhưng không phủ định các quy định trước đó. Quy định này bao hàm đầy đủ, toàn diện cho tất cả CB, ĐV từ Trung ương đến các chi bộ phải đề cao trách nhiệm nêu gương; đồng thời cũng cho thấy tính công khai, minh bạch, dân chủ trong Đảng ngày càng được phát huy, thể hiện rõ quyết tâm chính trị xây dựng Đảng ta TSVM, ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng chính đáng của CB, ĐV và quần chúng nhân dân.

Thời gian qua, việc quán triệt thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, Quy định số 55-QĐ/TW của Đảng, Quy định số 646-QĐ/QUTW của Thường vụ Quân ủy Trung ương và Quy định số 08-QĐi/TW trong Đảng bộ Quân chủng Hải quân (QCHQ) được tổ chức chặt chẽ. Từ Đảng ủy QCHQ đến các cấp ủy, chi bộ đều tổ chức tốt việc quán triệt, học tập, xây dựng kế hoạch, triển khai chương trình hành động, tạo thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng để mọi CB, ĐV tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh thái độ, hành vi, phòng ngừa nguy cơ sai phạm.

Trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, cấp ủy các cấp đã có nhiều giải pháp nâng cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ chủ trì, bí thư cấp ủy, cán bộ chỉ huy, quản lý ở các cấp trên các lĩnh vực công tác, nhất là triển khai thực hiện đột phá “Nâng cao hiệu quả kiểm soát, quản lý vùng biển”. CB, ĐV gương mẫu học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, chủ động tham mưu, đề xuất xử lý đúng đối sách các tình huống trên biển. Nhiều đồng chí cán bộ trực tiếp công tác trên tàu, đảo, nhà giàn luôn nêu gương sáng về tinh thần sẵn sàng chấp nhận hy sinh gian khổ, kiên cường bám trụ nơi đầu sóng ngọn gió, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trên biển. Càng trong khó

khẩn, gian khổ, hiểm nguy, đội ngũ CB, ĐV của QCHQ càng được tôi luyện trưởng thành và ngày càng xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu dũng cảm trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, góp phần tô thắm truyền thống vẻ vang, làm sáng đẹp phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ-người chiến sĩ Hải quân”, củng cố, tăng cường tình đoàn kết quân dân, đoàn kết hữu nghị với hải quân các nước trong khu vực và quốc tế.

Việc triển khai Mô hình “Đảng viên dùi dất quần chúng”, thực hiện các đột phá: “2 chất lượng, 2 nêu cao”, xây dựng chi bộ theo tiêu chí “4 tốt”, “Tăng cường kiểm tra đảng viên, tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm và nâng cao chất lượng giám sát ở chi bộ” đã cụ thể hóa các quy định nêu gương, nghiêm túc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, chỉ rõ những ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, đúng người, đúng việc, đúng tính chất mức độ của các tổ chức đảng và CB, ĐV sai phạm. Từ khi thực hiện các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, Đảng bộ QCHQ đã tiến hành kiểm tra, giám sát đảng viên, tổ chức đảng theo kế hoạch và đột xuất; thông qua đó kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa, răn đe, cảnh tỉnh những hành vi sai phạm, tạo chuyển biến tích cực, phát huy trách nhiệm nêu gương của CB, ĐV, nhất là vai trò của cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, chủ chốt ở các cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, nhận thức trách nhiệm và việc thực hành nêu gương của một số cấp ủy, CB, ĐV trong Đảng bộ quân chủng chưa thường xuyên, một số CB, ĐV giữ vai trò chủ trì cấp ủy, chỉ huy, quản lý do thiếu gương mẫu tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống dẫn đến vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây dư luận không tốt trong CB, ĐV và quần chúng.

Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực, trong nước, bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, song vẫn có những khó khăn, phức tạp, diễn biến khó lường, nhất là tình hình Biển Đông. Yêu cầu nhiệm vụ làm nòng cốt bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển và giữ vững môi trường hòa bình trên biển đang đặt ra hết sức khẩn trương và nặng nề, đặt ra yêu cầu mới. Vì vậy, thời gian tới, việc triển khai thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của CB, ĐV trong Đảng bộ QCHQ cần tiếp tục coi trọng, tiến hành đồng bộ bằng nhiều giải pháp.

Trước hết, Đảng bộ QCHQ xác định phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyên truyền, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng bộ và toàn quân chủng. Cấp ủy các cấp, nhất là các đồng chí bí thư cấp ủy, chỉ huy cần làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng và Quân ủy Trung ương về trách nhiệm nêu gương gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 87-CT/QUTW của Quân ủy Trung ương về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ-người chiến sĩ Hải quân”.

Các tổ chức đảng và mỗi cơ quan, đơn vị, căn cứ tình hình thực tiễn để xác định những việc cần làm ngay, nhất là những khâu đột phá trong triển khai thực hiện Quy định số 08-QĐi/TW. Cần đề ra những tiêu chí, nhiệm vụ cụ thể để CB, ĐV và quần

chúng dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện; chống bệnh thành tích, hình thức. Trọng tâm là mỗi CB, ĐV phải gương mẫu về đạo đức, lối sống, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực, tham nhũng; nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết liệt trong công việc, nói đi đôi với làm, tạo phong trào hành động cách mạng để cổ vũ, động viên CB, ĐV, quần chúng học tập và noi theo.

Các tổ chức đảng thường xuyên quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cấp ủy các cấp. Tập trung lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ CB, ĐV. Cán bộ các cấp phải thực sự năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, ý thức tổ chức kỷ luật, có năng lực hoàn thành tốt chức trách, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Chú trọng việc rà soát chính trị nội bộ chuẩn bị cho đại hội đảng bộ các cấp; thực hiện hiệu quả đột phá “Tập trung quản lý, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, chuẩn bị nguồn cán bộ, chỉ huy, quản lý đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy viên các cấp nhiệm kỳ 2020-2025”.

Cấp ủy, chỉ huy và cơ quan chức năng các cấp tăng cường công tác nắm tình hình đơn vị, dư luận xã hội, tâm trạng của CB, ĐV; chủ động phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh có hiệu quả với những biểu hiện tiêu cực về tư tưởng và hành động trái với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cơ quan, đơn vị đẩy mạnh việc xây dựng, tôn vinh, tuyên truyền nhân rộng các tấm gương tiêu biểu tạo sự lan tỏa lớn trong toàn quân chủng. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của CB, ĐV.

Toàn Đảng bộ tiếp tục gắn thực hiện các quy định nêu gương của CB, ĐV với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ QCHQ lần thứ XII nhiệm kỳ 2015-2020... góp phần xây dựng Đảng bộ quân chủng thực sự TSVM, lãnh đạo QCHQ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc.

Thực hiện các quy định nêu gương của Đảng và Quân ủy Trung ương trong Đảng bộ QCHQ là việc làm hết sức có ý nghĩa cả trước mắt và lâu dài. Điều đó đòi hỏi cần có sự chung tay, chung sức, đồng lòng của tất cả CB, ĐV và quần chúng trong các cơ quan, đơn vị. Việc triển khai Quy định số 08-QĐi/TW và các quy định nêu gương của CB, ĐV vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp thiết thực nhằm tạo ra luồng sinh khí mới, động lực mới, xây dựng QCHQ cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, xứng đáng là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình mới.

Phạm Văn Vững // <http://www.qdnd.vn>

CAMPUCHIA - LÀO - VIỆT NAM 'VỮNG NHƯ' KIỀNG BA CHÂN'

Thủ tướng Lào Thongloun Sisoulith ví von tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam "vững như kiềng ba chân", trong khi Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tâm đắc với câu tục ngữ "một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao".



(Từ trái qua phải): Thủ tướng Campuchia Hun Sen, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Thủ tướng Lào Thongloun Sisoulith tại lễ khai mạc Hội nghị cấp cao CLV 10 ở Hà Nội chiều 31-3-2018.

Ảnh: TTXVN

Mở đầu cuộc họp báo về kết quả của Hợp thượng đỉnh tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV) lần 10 tại Hà Nội chiều 31-3, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc kể trong cuộc họp, giám đốc điều hành Ngân hàng Thế giới (WB) đã dẫn câu tục ngữ Việt Nam "một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao" để nói về quan hệ ba nước Đông Dương khiến Thủ tướng vô cùng tâm đắc.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho biết cả ba thủ tướng đều nhất trí với câu tục ngữ này, qua đó quyết tâm thúc đẩy tình cảm hữu nghị, hợp tác.

Trong khi đó, Thủ tướng Lào Thongloun Sisoulith ví quan hệ ba bên "vững như kiềng ba chân", lấy trong câu tục ngữ "Dù ai nói ngả nói nghiêng. Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân" của Việt Nam.

Về kết quả của Hội nghị thượng đỉnh CLV, theo Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, các nhà lãnh đạo đã nhất trí từng bước mở rộng hợp tác khu vực tam giác phát triển CLV hướng tới bao trùm toàn bộ ba quốc gia, không chỉ giới hạn ở 13 tỉnh biên giới.

Để khởi động quá trình này, ba nhà lãnh đạo đã thông qua kế hoạch tổng thể về kết nối ba nền kinh tế CLV đến năm 2030.

Trả lời câu hỏi của phóng viên về kế hoạch kết nối kinh tế CLV, người đứng đầu Chính phủ Việt Nam nêu ba giải pháp.

Đầu tiên là tăng cường phổ biến chính sách vĩ mô, pháp luật để người dân và doanh nghiệp hiểu.

Sau đó là thúc đẩy kết nối hạ tầng, tập trung nâng cấp, hiện đại hóa, bảo đảm giao thông thông suốt 4 mùa, nâng cấp hạ tầng du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư...

Cuối cùng là kết nối người dân ba quốc gia thông qua hợp tác trong lĩnh vực du lịch và văn hóa.

Ngoài ra, các nhà lãnh đạo CLV cũng đã chỉ đạo Ủy ban điều phối chung tích cực triển khai một số nội dung nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác trong thời gian tới, bao gồm: tập trung tăng cường hợp tác an ninh đối ngoại như phòng chống tệ nạn buôn gỗ, buôn người, buôn ma túy, rà phá vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh..., xây dựng quy hoạch phát triển ngành du lịch khu vực tam giác phát triển, giao các Bộ Nông nghiệp ba nước trao đổi và hoàn thiện kế hoạch phát triển ngành công nghiệp cao su ba nước, thúc đẩy các chương trình hợp tác chung về bảo vệ môi trường và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, và thường xuyên cập nhật thông tin về tiềm năng, các chính sách ưu đãi dành cho khu vực tam giác phát triển CLV trên trang thông tin điện tử.

Theo Bộ Ngoại giao Việt Nam, cho đến nay các doanh nghiệp của Việt Nam đã đầu tư vào các tỉnh của Lào và Campuchia trong khu vực tam giác phát triển 113 dự án với tổng vốn đăng ký là 3,59 tỉ USD, 5 tỉnh của Việt Nam thuộc khu vực tam giác phát triển thu hút 233 dự án từ 20 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đăng ký là 2,3 tỉ USD.

TẦM CAO MỚI TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

Chuyến thăm hữu nghị chính thức CHDCND Lào (ngày 24 và 25/2) và chuyến thăm cấp nhà nước tới Campuchia (ngày 25 và 26/2) của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng sẽ góp phần quan trọng củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị, đoàn kết đặc biệt giữa Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia.



Đây là chuyến thăm nước ngoài đầu tiên trên cương vị mới của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng. Bởi thế, chuyến thăm đã khẳng định chủ trương nhất quán của Việt Nam, đặc biệt coi trọng và dành ưu tiên cao trong quan hệ với Lào, với Campuchia, củng cố, tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt, gắn bó, tin cậy và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước láng giềng.

Có lẽ, hiếm có mối quan hệ hợp tác nào lại đặc biệt như quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Lào và giữa Việt Nam - Campuchia, cũng như giữa ba nước Việt - Lào - Campuchia, vừa có bề dày truyền thống, hữu nghị, vừa liên tục được tăng cường, đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững hơn, góp phần giữ vững ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước.

Không chỉ thúc đẩy quan hệ hợp tác chính trị, ngoại giao, an ninh, quốc phòng..., mà quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư giữa Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia cũng ngày càng được tăng cường. Lào, Campuchia hiện là

hai thị trường đầu tư ra nước ngoài hàng đầu của các doanh nghiệp Việt Nam, với hàng tỷ USD đã được đầu tư, mang lại lợi ích cho kinh tế - xã hội của cả Việt Nam, Lào và Campuchia.

Việt Nam - Campuchia đang hướng tới đạt kim ngạch thương mại song phương 5 tỷ USD. Còn Việt Nam và Lào, sau khi đạt mức 1 tỷ USD vào năm 2018, hai nước cũng đã nhất trí thúc đẩy kim ngạch thương mại song phương, phấn đấu đạt mức tăng trưởng ổn định từ 10% trở lên so với năm 2018.

Trên phương diện đa phương, hợp tác Việt - Lào - Campuchia trong Tiểu vùng Mêkông, hay Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV), trong ASEAN, ASEM, hợp tác kinh tế ba dòng sông Ayeyawady - Chao Phraya - Mekong (ACMECS)... cũng ngày càng được tăng cường, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của mỗi nước ở khu vực và trên thế giới.

Việt Nam - Lào - Campuchia đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội trong suốt thời gian qua. Việc ba nước đã thiết lập được cơ chế “Tam giác phát triển”, tham gia ngày càng tích cực vào các cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế... sẽ góp phần quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả ba quốc gia trong giai đoạn phát triển tới đây.

Trong lịch trình làm việc dày đặc tại Lào và Campuchia lần này, ngoài các cuộc tiếp xúc cấp cao, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng sẽ chứng kiến lễ ký các văn kiện, thỏa thuận hợp tác mới giữa Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia. Đây sẽ là nền tảng để các bên tăng cường quan hệ hợp tác ngày càng bền chặt và hiệu quả hơn, nâng lên tầm cao mới.

Ngoài các quan hệ hợp tác hữu nghị, chính trị, ngoại giao..., các bên cũng đang nỗ lực thúc đẩy và tăng tính hiệu quả hợp tác kinh tế song phương và đa phương Việt Nam - Lào - Campuchia; đẩy nhanh việc cập nhật và hoàn thiện các hiệp định liên quan đến thương mại, đầu tư; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động thương mại và đầu tư giữa ba nước...

Chuyến thăm CHDCND Lào và Campuchia của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy hợp tác Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia trên nhiều lĩnh vực, trong đó có thương mại và đầu tư.

Hà Nguyễn // <https://baodautu.vn>

THẾ GIỚI BIẾN ĐỘNG, QUAN HỆ VIỆT NAM - LÀO VẪN TRƯỚC SAU NHƯ MỘT

Ông Nguyễn Bá Hùng - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Lào - cho biết, trong thế giới đầy biến động và phức tạp hiện nay, mối quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức gay gắt, tuy nhiên, lãnh đạo hai nước đều quyết tâm “trước sau như một”...

Trong thời gian qua, mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào không ngừng phát triển và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực.

“Hiếm có với một nước nào trên thế giới mà việc trao đổi đoàn cấp cao giữa hai Đảng, hai Nhà nước lại được tiến hành thường xuyên như giữa Việt Nam với Lào.” - Đại sứ Nguyễn Bá Hùng nói.

Việt Nam tiếp tục là một trong những nước đứng đầu về đầu tư và là đối tác thương mại lớn của Lào. Các dự án đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại Lào đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế Lào phát triển, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người dân.



Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Lào Nguyễn Bá Hùng

Hiện có hơn 14.600 lưu học sinh Lào đang theo học ở Việt Nam và hàng trăm lưu học sinh Việt Nam đang học tại các trường đại học tại Lào.

Hợp tác an ninh-quốc phòng Việt Nam - Lào tiếp tục duy trì tốt với mức độ tin cậy cao; hai bên đã hoàn thành toàn bộ Dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam-Lào; ký Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới Việt Nam-Lào và Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới Việt Nam-Lào.

Cùng với hợp tác trong khuôn khổ song phương, tình đoàn kết anh em giữa Việt Nam và Lào còn thể hiện rõ nét tại các diễn đàn khu vực và quốc tế như Liên hiệp quốc, ASEAN, hợp tác tiểu vùng..., đã góp phần nâng cao uy tín và vị thế của mỗi nước ở khu vực và trên thế giới.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động và phức tạp như hiện nay, Đại sứ Nguyễn Bá Hùng cho biết, bên cạnh những vận hội phát triển, mỗi quan hệ hợp tác Việt Nam-Lào cũng đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức gay gắt từ sự phát triển của bản thân mỗi nước và từ môi trường quốc tế, khu vực.

“Trong các cuộc gặp gỡ tiếp xúc, các đồng chí Lãnh đạo cấp cao của hai Đảng, hai nước đều thể hiện quyết tâm trước sau như một sẽ làm hết sức mình để làm cho mối quan hệ đặc biệt Việt Nam-Lào mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững.” - Đại sứ Nguyễn Bá Hùng nhấn mạnh.

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Lào khẳng định, hai nước đặt ưu tiên cao nhất là cùng phấn đấu tập trung mọi nỗ lực nhằm đưa quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam-Lào lên tầm cao mới, với phương châm thiết thực và hiệu quả; tiếp tục coi quan hệ giữa hai Đảng là then chốt, thắt chặt quan hệ chính trị, tăng cường tin cậy và gắn bó lẫn nhau, coi đây là một trụ cột định hướng trong tổng thể quan hệ hợp tác.

Từ ngày 16-19/12/2018, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phạm Bình Minh sẽ tham dự Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Mekong - Lan Thương lần thứ 4. Đây là cơ chế hợp tác với sự tham gia của 6 nước ven sông (Việt Nam, Campuchia, Lào, Mianma, Thái Lan và Trung Quốc) được lập ra nhằm thúc đẩy hợp tác toàn diện để xây dựng cộng đồng trách nhiệm và lợi ích chung ở tiểu vùng.

Sau khi kết thúc Hội nghị Mekong - Lan Thương, Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh sẽ thăm chính thức Lào, đồng chủ trì Tham vấn chính trị cấp Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam-Lào lần thứ 5.

Châu Như Quỳnh // <https://dantri.com.vn>

QUAN HỆ QUỐC PHÒNG VIỆT NAM - CAMPUCHIA CÓ NHIỀU TIỀM NĂNG ĐỂ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ

Việt Nam luôn đẩy mạnh phát triển quan hệ hợp tác với Campuchia, trong đó có lĩnh vực quốc phòng trên tinh thần “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”. Lời khẳng định trên đã được Đại tướng Ngô Xuân Lịch, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam nhấn mạnh như vậy trong cuộc gặp Đại tướng Tia Banh, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Campuchia đầu năm nay. Đây cũng là quan điểm của Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử 51 năm quan hệ với Campuchia.



Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng cửa khẩu Đắc Ruê, BDBP Đắc Lắc và Tiểu đoàn 103, Tiểu khu Quân sự tỉnh Mon đun ki ri (Campuchia) phối hợp tuần tra song phương. Ảnh: Phạm Đức

Tài sản thiêng liêng cần được giữ gìn

Cách đây 50 năm, trong bức điện gửi Quốc trưởng Campuchia Norodom Sihanouk ngày 23-6-1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ việc đặt quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam - Campuchia là biểu hiện sinh động của tình hữu nghị thân thiết và đoàn kết chiến đấu.

Tình đoàn kết hữu nghị truyền thống đó đã được tôi luyện qua những năm đấu tranh giành độc lập, tự do, đánh đổ tập đoàn diệt chủng Pol Pot và ngăn chặn chế độ diệt chủng quay trở lại. Đây là cơ sở, nền tảng vững chắc để hai nước tiếp tục phát huy trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai. Nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia luôn sát cánh cùng nhau hợp tác trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, chân thành hỗ trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển. Campuchia hòa bình, phát triển thịnh vượng trong khu vực Đông Nam Á ổn định và phát triển cũng chính là lợi ích của Việt Nam.

Nhằm giữ gìn và vun đắp mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước, Việt Nam luôn thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác với Campuchia, trong đó có lĩnh vực quốc phòng.

Trong những năm qua, hợp tác quốc phòng giữa hai nước có hiệu quả và là một trong những trụ cột trong quan hệ hai nước. Các lĩnh vực nổi bật như đào tạo nhân lực, bảo vệ đường biên giới đã phát huy hiệu quả, tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng biên hai nước. Hai nước cũng phối hợp tuần tra chung trên vùng nước lịch sử bảo đảm an ninh, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân hai nước làm ăn, sinh sống. Bên cạnh đó, hai nước thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho nhân dân để cùng nhau quyết tâm xây dựng đường biên giới trên tinh thần không ngừng vun bồi mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị truyền thống; tăng cường mở rộng giao lưu hữu nghị nhân dân; phối hợp tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, tổ chức đoàn thăm, tặng quà vào những ngày lễ, Tết cổ truyền của hai nước; cùng nhau phát hiện, ngăn chặn tình trạng buôn lậu qua biên giới và chống những âm mưu, hành động phá hoại, gây chia rẽ tình đoàn kết, hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai bên biên giới.

Hiện nay, cả hai bên đang thúc đẩy các kế hoạch để hoàn thành việc tìm kiếm hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Campuchia đến năm 2020. Theo Báo cáo năm 2017 của Ủy ban quốc gia Campuchia về tìm kiếm hài cốt, hiện còn khoảng 4.000 hài cốt quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hi sinh tại Campuchia chưa được tìm thấy.

Vì một đường biên giới hòa bình, hữu nghị

Việt Nam - Campuchia có chung đường biên giới trên đất liền đi qua 10 tỉnh của Việt Nam là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang, tiếp giáp 9 tỉnh của Campuchia là Rattanakiri, Mondul Kiri, Kratie, Tbong Khmum, Xvay Rieng, Pray Veng, Kandal, Takeo và Kampot.

Trong những năm qua, công tác phân giới cắm mốc (PGCM) biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia có nhiều chuyển biến tích cực. Ủy ban Liên hợp về PGCM trên đất liền (Ủy ban Liên hợp) đã hoàn thành khoảng 84% khối lượng công việc PGCM trên đất liền trên cơ sở các hiệp ước hoạch định biên giới giữa hai nước; tái khẳng định tôn trọng và thực hiện đầy đủ Hiệp ước hoạch định biên giới và các hiệp định biên giới liên quan mà hai nước đã ký kết. Hai bên nhất trí tăng cường phối hợp trong việc quản lý biên giới theo khuôn khổ pháp lý hiện có để cùng xây dựng một đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh thế giới ngày càng diễn biến phức tạp, hai bên nhất trí tăng cường hợp tác về quốc phòng, an ninh trên nguyên tắc không cho phép bất cứ lực lượng chính trị, quân sự nào sử dụng lãnh thổ của nước mình đe dọa đến an ninh của nước kia và giải quyết những vấn đề nảy sinh giữa hai nước bằng các biện pháp hòa bình trên tinh thần hữu nghị và cùng có lợi; tăng cường phối hợp nhằm duy trì ổn định chính trị, an ninh, trật tự và an toàn xã hội ở mỗi nước; thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác về quốc phòng, an ninh; tăng cường phối hợp trong các vấn đề

nhân đạo như: Phòng, chống thiên tai, diễn tập chung về tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, đào tạo quân y và tiếp tục nỗ lực phối hợp tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Campuchia.



Đội Phân giới cắm mốc số 2 của Việt Nam và Đội Phân giới cắm mốc của Campuchia tiến hành khảo sát xác định vị trí mốc giữa biên giới tỉnh Long An (Việt Nam) và tỉnh Xvay Rieng (Campuchia). Ảnh: Văn Luận

Hai bên cũng nhất trí tăng cường hợp tác chặt chẽ ngăn chặn tình trạng người vượt biên trái phép, buôn lậu qua biên giới, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, buôn người và gian lận thương mại, bao gồm cả việc sản xuất và vận chuyển hàng giả, hàng kém chất lượng.

Bên cạnh đó, hai bên nhất trí đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục sâu rộng để các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên của hai nước hiểu biết sâu sắc hơn và tự hào về lịch sử quan hệ tốt đẹp, đoàn kết, hữu nghị đặc biệt giữa hai dân tộc Việt Nam và Campuchia, qua đó có trách nhiệm giữ gìn và vun đắp hơn nữa cho mối quan hệ tốt đẹp này. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành nghiêm pháp luật của hai Nhà nước trong các tầng lớp nhân dân vùng biên giới hai nước; phổ biến rộng rãi thông tin về chủ trương, chính sách của hai Nhà nước, các chương trình, hoạt động hợp tác toàn diện giữa hai nước Campuchia - Việt Nam nói chung và xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị nói riêng, vì lợi ích của nhân dân và sự phát triển của mỗi nước; tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân khu vực biên giới góp phần bảo đảm quốc phòng-an ninh khu vực biên giới và thắt chặt tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai nước; mở rộng các hình thức giao lưu hữu nghị nhân dân.

Với lịch sử đoàn kết gắn bó, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, kịp thời giúp đỡ lẫn nhau vô tư, trong sáng và có hiệu quả trong suốt nửa thế kỷ qua, quan hệ Việt Nam - Campuchia nói chung, quan hệ quốc phòng hai nước nói riêng, có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh mẽ, toàn diện trong thời gian tới.

Thu Uyên // <http://www.bienphong.com.vn>

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN, ĐÀO GẮN VỚI BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH

Kinh tế biển có thể hiểu là các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển ở dải đất liền ven biển. Đóng góp của lĩnh vực kinh tế diễn ra trên biển ở Việt Nam, trong đó có khai thác dầu khí, hải sản, hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển) và du lịch biển chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới khai thác biển như đóng và sửa chữa tàu biển, chế biến dầu khí, chế biến thủy/hải sản, thông tin liên lạc...

Lợi thế từ kinh tế biển

Với đường bờ biển kéo dài hơn 3.260 km cùng hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ, Việt Nam có thế mạnh về biển và có nhiều tiềm năng làm giàu từ biển. Biển, hải đảo nước ta nằm chủ yếu ở Biển Đông bao gồm nhiều khu vực khác nhau với diện tích trên 1.000.000 km² (chiếm khoảng 30% diện tích Biển Đông và lớn gấp hơn 3 lần diện tích đất liền). Biển Việt Nam cùng với đất liền tạo ra môi trường sinh sống và phát triển bền vững của cả dân tộc. Vùng biển ven bờ Việt Nam có khoảng 2.773 hòn đảo lớn, nhỏ, chủ yếu nằm ở Vịnh Bắc Bộ, số còn lại phân bố ở khu vực biển Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nam. Ngoài ra, có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở giữa Biển Đông. Đây là một bộ phận cấu thành phạm vi chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, cùng với đất liền tạo ra môi trường sinh tồn và phát triển bền vững của dân tộc ta.

Biển cũng là hướng phòng thủ chiến lược của đất nước ta. Lịch sử cho thấy, nhiều cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù đối với nước ta được bắt đầu từ hướng biển. Ngày nay, vùng biển, đảo càng trở nên một hướng đặc biệt quan trọng, xung yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng - an ninh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo là điều Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chú trọng.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), lần đầu tiên Đảng ta bàn về phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển, đặc biệt là các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Nghị quyết Đại hội VIII chỉ rõ: “Vùng biển và ven biển là địa bàn chiến lược về kinh tế và an ninh, quốc phòng, có nhiều lợi thế phát triển và là cửa mở lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài. Khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển và ven biển, kết hợp với an ninh, quốc phòng, tạo thế và lực để phát triển mạnh kinh tế - xã hội, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc”(1). Ngày 22-9-1997, Bộ Chính trị (khóa VIII) ban hành Chỉ thị 20-CT/TU về “Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Đặc biệt, tại Đại hội X (tháng 4-2006), Đảng ta khẳng định: “Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng,

an ninh và hợp tác quốc tế. Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển, đảo. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu và phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ bổ trợ. Hình thành một số hành lang kinh tế ven biển. Nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội ở các hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh”(2).

Từ sau Đại hội Đảng lần thứ XI đến nay, chủ trương phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo đã được điều chỉnh cụ thể, chi tiết hơn. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ cần kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh; quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn. Trong đó, một số nội dung được nhấn mạnh như những giải pháp tích cực để gắn phát triển kinh tế với bảo vệ chủ quyền biển, đảo như tăng cường công tác quy hoạch; xây dựng kết cấu hạ tầng; xây dựng các vùng biển, đảo ở địa bàn chiến lược đều phải gắn kết chặt chẽ với quá trình tăng cường lực lượng, tiềm lực, thế trận quốc phòng - an ninh; nhiệm vụ, phương án, kế hoạch tác chiến và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo; chăm lo xây dựng thế trận lòng dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện quân với dân một ý chí; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội.... Tại Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng ta cũng nhấn mạnh: “Phát triển kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững...”(3).

Qua 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đã khẳng định rằng, với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, nhân dân và lực lượng vũ trang, kinh tế biển và ven biển của nước ta có nhiều khởi sắc, phát triển theo hướng tích cực, đã đem lại cho đất nước khoảng 40% tổng sản phẩm quốc nội, 50% thu nhập ngoại tệ mạnh và tạo ra việc làm ổn định cho khoảng 9 triệu người. Kinh tế biển cũng có sự thay đổi về cơ cấu ngành nghề theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc khai thác nguồn lợi từ biển đã đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước, nhất là cho xuất khẩu (dầu khí, hải sản...). Xuất hiện nhiều ngành kinh tế biển gắn với công nghệ - kỹ thuật hiện đại như khai thác dầu khí, công nghiệp đóng tàu, đánh bắt xa bờ, vận tải biển, du lịch biển - đảo và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.... Trong việc bảo đảm quốc phòng - an ninh, chúng ta đã kiểm chế được xung đột, giữ được lợi ích quốc gia, dân tộc trên phương diện tổng thể, giữ được môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Đó là những tiền đề, điều kiện thuận lợi để chúng ta thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thêm lực địa của Tổ quốc trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện mục tiêu chiến lược biển, chúng ta đang đứng trước nhiều thách thức gay gắt về phát triển kinh tế biển như sự suy giảm các nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển; khai thác tài nguyên và môi trường biển; về ô nhiễm môi trường... và một số thách thức về quốc phòng - an ninh. Kinh tế biển của nước ta quy mô còn nhỏ bé và đang ở trình độ thấp, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Giá trị thu được từ hoạt động kinh tế biển so với một số nước đều ở mức thấp hoặc rất thấp. Mặc dù có rất nhiều cố gắng trong quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng nghề biển nước ta vẫn chủ yếu là nghề truyền thống, chiếm trên 60% GDP do kinh tế biển tạo ra. Các nghề biển công nghệ cao như năng lượng sóng thủy triều, khai thác khoáng sản dưới lòng nước sâu, hoá chất và dược liệu biển... hầu như chưa được tập trung nghiên cứu. Các nghề mới như khai thác dầu khí, công nghiệp đóng tàu, nuôi trồng hải sản đặc sản, du lịch biển chỉ mới được phát triển bước đầu. Chúng ta còn nhiều khó khăn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế biển, bởi công nghệ, kỹ thuật khai thác kinh tế biển nhìn tổng thể vẫn còn ở trình độ rất thấp. Công tác nghiên cứu và hiểu biết về biển còn sơ sài, chưa có chiến lược lâu dài ở tầm quốc gia để định hướng công tác khai thác, quản lý, bảo vệ vùng biển một cách thống nhất, đúng trọng điểm. Các công trình kỹ thuật và dịch vụ xây dựng hạ tầng biển còn nhiều bất cập, yếu kém. Cơ sở hạ tầng vùng ven biển, hải đảo thiếu thốn và lạc hậu. Sự phát triển kinh tế biển ở nhiều địa phương và một số ngành chủ yếu chạy theo nhu cầu thị trường, chưa thực sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển.

Phát triển kinh tế biển ở một số lĩnh vực chưa thực sự được gắn kết chặt chẽ với quốc phòng - an ninh, hoặc ngược lại, có một số lĩnh vực của quốc phòng - an ninh chưa được gắn kết với phát triển kinh tế, làm cho kinh tế biển vốn còn nhiều hạn chế về khoa học - công nghệ, kỹ thuật và năng lực lại bất cập trong công tác bảo vệ, làm hạn chế quá trình phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng - an ninh. Một số địa phương xây dựng quy hoạch các khu công nghiệp, kinh tế tập trung, các dự án ven biển, trên đảo, chưa chú trọng các phương án xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh, thế trận lòng dân, chủ yếu chạy theo lợi ích kinh tế là chính; một số quy hoạch, kế hoạch, nhất là việc xây dựng bến cảng; cơ sở công nghiệp biển; các khu dịch vụ trên đảo mở tràn lan, không tuân thủ các nguyên tắc chung, làm ảnh hưởng đến khả năng bảo vệ quốc phòng - an ninh trên biển, đảo. Tình trạng đó đang đặt ra nhu cầu cấp bách phải có một chiến lược phát triển kinh tế biển được bổ sung với những luận cứ khoa học và cơ sở thực tiễn vững chắc, mới có thể đáp ứng những nhiệm vụ tăng tốc kinh tế biển để đến năm 2020, nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

Gắn kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay

Để hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện hiện nay nhằm khai thác tiềm năng và các lợi thế về biển, đồng thời tăng cường bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tạo nên sự gắn kết chặt chẽ hoạt động của các lĩnh vực kinh tế biển với quốc

phòng - an ninh để trở thành một thể thống nhất trên phạm vi cả nước và từng địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương nhất là những địa phương ven biển phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ vùng trời, vùng biển của đất nước. Các chủ trương về thực hiện Chiến lược biển dựa trên các căn cứ khoa học, hiện đại, các cơ sở dữ liệu, được đánh giá một cách toàn diện về thực trạng phát triển biển, những thuận lợi, thế mạnh và cả những khó khăn, thách thức mà Việt Nam phải đối mặt... Mở rộng chính sách, liên kết làm ăn kinh tế ở vùng biển thuộc quyền chủ quyền của ta với những nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, nhằm tạo ra những đối tác đan xen lợi ích trong phát triển kinh tế biển.

Thực hiện nghiêm pháp luật, cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Đây là nội dung rất quan trọng nhằm cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đảng về mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng và an ninh thành các văn bản quy phạm, tiến hành quán triệt, tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả cao, cần quy định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo chỉ đạo và quản lý. Trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần tập trung quán triệt nắm chắc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế, chính sách có liên quan đến mối quan hệ này làm cơ sở để giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa tự bảo vệ và được bảo vệ, phù hợp với thực tiễn đất nước và thông lệ quốc tế.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, giữ vững môi trường hòa bình ổn định để xây dựng đất nước. Coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo nên sự thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về mục tiêu chiến lược biển, đảo đến năm 2020 trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, chiến lược quốc phòng - an ninh, đối ngoại, khoa học - công nghệ biển; xây dựng kết cấu hạ tầng biển. Qua đó, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng - an ninh, thế trận lòng dân, kiên quyết bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam, bảo vệ chế độ chính trị - xã hội, lợi ích dân tộc...; đồng thời, giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định lâu dài để phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Trong đó, chú trọng các tài liệu khoa học đã kết luận về tiềm năng biển, quy hoạch phát triển kinh tế biển; các tài liệu lịch sử - pháp lý thuyết phục, khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với các vùng biển, đảo nước ta trên cơ sở Luật Biển Việt Nam và Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982; các tuyên bố nguyên tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông và Bộ Quy tắc ứng xử mang tính pháp lý của các bên ở Biển Đông khi được thông qua. Đồng thời, cần chuyển tải kịp thời quan điểm, lập trường của Việt Nam trong vấn đề Biển Đông tới cộng đồng quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Ba là, tiếp tục xây dựng lực lượng, tổ chức điều chỉnh, bố trí và triển khai thế trận quốc phòng - an ninh, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên vùng biển, đảo một cách hợp lý. Kết hợp chặt chẽ giữa thúc đẩy nhanh quá trình dân sự hóa trên biển với xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh, thế trận lòng dân trên biển vững mạnh, đủ khả năng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển. Dân sự hóa các vùng biển, đảo vừa là

cơ sở để khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên trên biển, vừa là tiền đề để xây dựng, củng cố và phát huy lực lượng tại chỗ phục vụ chiến lược quốc phòng - an ninh trên biển, như Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 đã ghi: “Thực hiện quá trình dân sự hóa trên biển, gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển. Có chính sách đặc biệt để khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra định cư ổn định và làm ăn dài ngày trên biển; thí điểm xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế tại các đảo, quần đảo Trường Sa, vùng biển, đảo của Tổ quốc”. Đây là chủ trương chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Chủ trương này đã và đang được hiện thực hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền của Việt Nam trên biển.

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, ưu tiên nguồn lực cho phát triển kinh tế gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, góp phần thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên các vùng ven biển, hải đảo. Biển Việt Nam chứa đựng nhiều tiềm năng to lớn về kinh tế, nhưng để biến các tiềm năng ấy thành nguồn lực, động lực đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc đầu tư nguồn lực thích đáng cho các ngành kinh tế mũi nhọn, có thể mạnh như: Khai thác, chế biến dầu khí; hệ thống cảng và dịch vụ vận tải biển; khai thác, chế biến hải sản, du lịch... ở các vùng ven biển, trên các đảo và quần đảo là hết sức cần thiết. Trong đó, cần ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh, các trung tâm dịch vụ có đủ khả năng vươn xa, kết hợp phát triển kinh tế với làm chủ biển, đảo; tập trung nguồn vốn, khoa học, công nghệ, nguồn lao động để khai thác có hiệu quả các tiềm năng của biển; ưu tiên phát triển hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên khu vực quần đảo Trường Sa và các đảo lớn xa bờ, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tốc độ sản xuất của nhân dân đang sinh sống trên các đảo và quần đảo. Đồng thời, giải quyết tốt các vấn đề xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, coi đó như một vấn đề then chốt trong xây dựng thế trận lòng dân trên biển.

Năm là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ về quản lý và phát triển kinh tế biển nhằm khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, giảm thiểu tối đa sự suy thoái tài nguyên biển và hải đảo, đa dạng sinh học biển và các hệ sinh thái biển.

- (1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.211
- (2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 225
- (3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 94 - 95

Nguyễn Thị Hoài Thu // Tạp chí cộng sản

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Biển, đảo của Tổ quốc, chủ quyền lãnh thổ là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Địa bàn vùng biển, hải đảo có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, là “tuyến đầu”, “cửa ngõ”, là bức tường thành vững chắc của mỗi quốc gia, dân tộc.

Chủ quyền, quyền chủ quyền an ninh trên biển, đảo là một bộ phận quan trọng không thể tách rời của an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc. Một quốc gia có vùng biển, vùng trời hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự vững mạnh của chế độ, của dân tộc.



Nhận thức rõ vị trí địa chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh của biển, đảo nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (BVTQ), Đảng và Nhà nước đã sớm quan tâm tới việc quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giải quyết tranh chấp trên biển và phát triển kinh tế biển. Ngay sau ngày hòa bình lập lại (1954), Đảng và Nhà nước ta đã tập trung mọi nguồn lực để bảo vệ chủ quyền vùng biển, hải đảo và khai thác tài nguyên biển. Đánh giá về vị trí, vai trò của biển, đảo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “... Biển của ta rất giàu và đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó”. Trước khi kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Đảng và Nhà nước ta đã có quyết định lịch sử: giải phóng quần đảo Trường Sa, giữ vững thế đứng của Việt Nam trên biển Đông. Sau khi đất nước thống nhất, ngày 12/5/1977, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về các vùng biển, đảo Việt Nam. Đây là một trong những tuyên bố sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á. Từ tuyên bố lịch sử đó, ngày 12/11/1982, Chính phủ ra Tuyên bố về đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam, mở đầu một trang mới trong lịch sử tiến ra biển, thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của nước ta trên biển. Nghị quyết Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ 5 phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 thể hiện rõ: “lập trường trước sau như một của Chính phủ khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời chủ trương giải quyết

các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ cũng như các tranh chấp khác liên quan đến biển Đông thông qua thương lượng hòa bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982”.

Việt Nam có ranh giới vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa chung với hầu hết các nước xung quanh biển Đông, đặc biệt là Trung Quốc và Campuchia. Hiện nay, trên biển Việt Nam còn bốn vấn đề lớn liên quan đến chủ quyền lãnh thổ cần phải giải quyết, đó là: bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa; bảo vệ chủ quyền và giải quyết hòa bình tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Trường Sa giữa các nước, gồm Việt Nam, Trung Quốc, Malaysia, Philippin, Đài Loan (Trung Quốc); phân định ranh giới các vùng biển theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và xác định ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Tranh chấp chủ quyền biển, đảo ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế biển của Việt Nam theo nhiều khía cạnh. Vấn đề quan trọng nhất là phải giải quyết các bất đồng, tranh chấp trên biển thông qua biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, tăng cường quan hệ láng giềng hữu nghị giữa các nước nhằm bảo đảm môi trường hòa bình để phát triển. Để bảo đảm chủ quyền biển, đảo và lợi ích quốc gia trên biển của nước ta trong tình hình hiện nay, một mặt, cần không ngừng nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, nuôi trồng và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, phát triển hệ thống giao thông đường biển; mặt khác, phải tích cực đối thoại với các bên liên quan, tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị và đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tìm kiếm các giải pháp cơ bản và lâu dài mà các bên đều có thể chấp nhận được.

Việc giải quyết tranh chấp, giữ gìn hòa bình và ổn định, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trên biển Đông cần dựa trên cơ sở luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về Quy tắc ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC). Các nước có liên quan cần tôn trọng các quyền và lợi ích chính đáng của mỗi nước được quy định trong Công ước quốc tế và Luật Biển năm 1982 để giải quyết mọi tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực; các nước trong khu vực đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương giữa các nước có liên quan nhằm xây dựng lòng tin, tăng cường quan hệ hữu nghị, sử dụng, khai thác biển và bảo vệ môi trường biển một cách hiệu quả.

Những nhân tố gây mất ổn định, xâm phạm chủ quyền, an ninh vùng biển, đảo Việt Nam hiện đang diễn ra gay gắt; nguy cơ xung đột vũ trang, tranh chấp trên biển, đảo và thềm lục địa của nước ta vẫn chưa được loại trừ. Những hành động nguy hiểm như làm biến dạng một số hòn đảo, quân sự hóa các đảo đã chiếm đóng trái phép của Việt Nam... đã và đang đe dọa trực tiếp đến hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải ở biển Đông.

Để góp phần giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội ở những khu vực trọng điểm, đặc biệt là trên vùng biển, thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, trong hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề về chủ quyền, quyền chủ

quyền và bảo đảm an ninh trên biển, đảo cần thực hiện một số giải pháp chiến lược sau:

Một là, phải nắm vững luật pháp quốc tế, đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong giải quyết các vấn đề về biên giới, lãnh thổ. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng khẳng định: “Thúc đẩy các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới biển và thềm lục địa với các nước liên quan trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực; làm tốt công tác quản lý biển, đảo, biên giới, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển”(1). Đây là quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, là định hướng cho các cấp, các ngành, các lực lượng quán triệt và thực hiện trong quá trình giải quyết các vấn đề về biên giới, vùng biển với các nước láng giềng, khu vực. Để giải quyết vấn đề biên giới với các nước trong khu vực, phải dựa trên các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế và đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta để thỏa thuận với các nước liên quan về những nguyên tắc cụ thể, nhằm tìm ra giải pháp cơ bản, hài hòa và hợp lý. Phải căn cứ vào Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về Quy tắc ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) để đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thông qua đàm phán giải quyết, xây dựng đường biên giới ổn định lâu dài.

Hợp tác quốc tế giải quyết biên giới, lãnh thổ là một vấn đề lớn, liên quan đến nhiều vấn đề về chủ quyền an ninh của quốc gia. Do đó, trong quá trình đàm phán quốc tế giải quyết các tranh chấp trên biển phải luôn nắm vững nguyên tắc tối cao là sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không được thỏa hiệp, nhân nhượng vô nguyên tắc, phải nắm vững tài liệu, nguồn gốc lịch sử, phải biết về quản lý thực tế, hiểu biết nghệ thuật đàm phán.

Quá trình đàm phán về lãnh thổ biên giới với Trung Quốc và các nước phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, Chính phủ, đề cao trách nhiệm của đoàn đàm phán, phát huy dân chủ, lắng nghe ý kiến của các chuyên gia về biên giới, biển, đảo và các ngành chủ quản, học tập kinh nghiệm quốc tế, không chủ quan áp đặt. Ngăn chặn các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, bóp méo sự thật của các thế lực thù địch gây chia rẽ quan hệ truyền thống giữa nước ta với các nước láng giềng và làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; ảnh hưởng đến quá trình đàm phán.

Hai là, phải quán triệt mục tiêu, nguyên tắc, phương châm trong giải quyết các vấn đề về biên giới, vùng biển, đảo với các nước có liên quan, đặc biệt là với Trung Quốc. Giải quyết các vấn đề về biên giới, vùng biển là công việc vô cùng khó khăn, phức tạp, rất căng thẳng do đụng chạm đến lợi ích của các quốc gia. Vì vậy, quá trình giải quyết các vấn đề có liên quan đến lãnh thổ, biển đảo, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế... phải bảo đảm các mục tiêu: giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, bởi đó là vấn đề thiêng liêng của mỗi quốc gia, dân tộc; đồng thời là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Ngày nay, khái niệm về chủ quyền quốc gia có nội dung lớn hơn, bao gồm nhiều lĩnh vực như: chủ quyền về lãnh thổ, biển đảo, biên giới, kinh tế, chính trị, đối nội, đối ngoại... Quá

trình giải quyết các vấn đề về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên biển thường gắn liền và đan xen trong các quan hệ chính trị, kinh tế, quốc phòng-an ninh, đối ngoại. Đó là quá trình vừa đấu tranh quyết liệt, vừa thương lượng, thỏa thuận, chiếu cố lẫn nhau, nhưng trên cơ sở luật pháp quốc tế. Giữ được mối quan hệ hữu nghị với nước láng giềng là truyền thống của dân tộc, là mong muốn của nhân dân ta, đồng thời là yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, là xu thế chung của thời đại.

Để xây dựng và phát triển đất nước, phải tiếp tục củng cố, xây dựng biên giới, vùng biển, vùng trời hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài nhằm tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới, phát triển đất nước. Đồng thời, loại bỏ những sơ hở, những điều kiện mà các thế lực thù địch có thể lợi dụng vấn đề biên giới, lãnh thổ, chủ quyền trên vùng biển để tạo cơ can thiệp, gây mất ổn định tình hình đất nước. Vì vậy, trong quan hệ quốc tế, đặc biệt với các nước láng giềng và các nước trong khu vực, các cấp, các ngành và mỗi người dân cần quán triệt tốt mục tiêu, yêu cầu này; tránh xung đột, đối đầu, gây căng thẳng làm ảnh hưởng xấu đến quan hệ chung.

Ba là, cần xác định nội dung giải quyết các vấn đề về biển và vùng đặc quyền kinh tế trên biển phù hợp với từng nước trong từng giai đoạn. Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia láng giềng gần gũi. Từ lâu hai nước đã có mối quan hệ hữu nghị truyền thống, có chung đường biên giới trên đất liền và trên biển. Tuyến biên giới trên biển đã được xác định rõ chủ quyền hải đảo và thềm lục địa phân định đường biên giới lãnh hải, ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Tuy nhiên, trên vùng biển, hải đảo còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tranh chấp vì những lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh khác nhau giữa các quốc gia trong khu vực. Vì vậy, cần tiếp tục đàm phán với các nước láng giềng có liên quan nói chung, với Trung Quốc nói riêng để giải quyết ranh giới trên biển, tìm ra những giải pháp gìn giữ hoà bình, ổn định trên vùng biển, thềm lục địa của Việt Nam.

Trên cơ sở các hiệp định đã ký kết với các nước ASEAN và Trung Quốc, chủ động phối hợp với lực lượng bảo vệ biển, hải đảo của nước láng giềng để tiến hành các hoạt động quản lý, kiểm soát, bảo vệ biển, đảo. Thông qua cơ chế phối hợp đã thoả thuận và công tác đối ngoại để phát hiện giải quyết những vấn đề nảy sinh, không để xảy ra tranh chấp, xung đột trên biển làm phức tạp thêm tình hình và gây căng thẳng trên các vùng biển thuộc thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của ta.

Trong khuôn khổ luật pháp Việt Nam, các lực lượng chức năng hoạt động trên các vùng biển, đảo cần có thái độ, trách nhiệm kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng với những hành vi xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam, đồng thời quan hệ tốt với các lực lượng tương ứng của các nước láng giềng (ASEAN), thỏa thuận hợp tác về những vấn đề còn tồn tại, tranh chấp, không để xảy ra xung đột vũ trang. Các cấp, các ngành, các lĩnh vực của nước ta phải có sự phối hợp đồng bộ trong quan hệ hợp tác với ASEAN và cộng đồng quốc tế.

Bốn là, tiếp tục xây dựng, củng cố mối quan hệ phối hợp giải quyết các vấn đề còn tồn tại trên các vùng biển, đảo với các nước. Ngày nay, quan hệ quốc tế liên tục

được mở rộng, phát triển đa phương, đa dạng trên nhiều lĩnh vực. Lợi ích quốc gia thường đan xen trong các quan hệ đó. Vì vậy, phải tranh thủ mọi quan hệ, mọi thời cơ, điều kiện thuận lợi để xúc tiến và thúc đẩy việc giải quyết các vấn đề về biên giới, lãnh thổ, biển, hải đảo. Trong quan hệ với các nước cần phát huy yếu tố tương đồng, nhu cầu về sự ổn định phát triển của mỗi nước để thương lượng, nhân nhượng lẫn nhau. Theo đó, với Trung Quốc cần dựa vào Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về Quy tắc ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC). Đồng thời, phải dựa trên các nguyên tắc chung của luật pháp, đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta để đấu tranh yêu cầu Trung Quốc phải thực hiện các điều khoản của Công ước quốc tế và thỏa thuận đã ký kết với các nước ASEAN.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này cần phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, tập trung thống nhất. Các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang phải làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành trong công tác đối ngoại. Tăng cường trao đổi, hiệp đồng với các lực lượng quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh trên các vùng biển, hải đảo và chính quyền địa phương các nước láng giềng trên cơ sở các hiệp định, hiệp nghị, quy chế, thỏa thuận đã được ký kết giữa các bên để tuyên truyền phát triển quan hệ hữu nghị, chủ động gặp gỡ giải quyết các vấn đề phức tạp xảy ra trên vùng biển, đảo, không để căng thẳng xung đột kéo dài; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhân dân, tạo môi trường ổn định. Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng giúp cho các lực lượng đứng chân trên biển nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối ngoại, nắm vững nội dung, phương châm, nguyên tắc, quy trình, phương pháp tiến hành công tác đối ngoại; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước và luật pháp quốc tế. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân và các ngành có liên quan đang hoạt động trên các vùng biển, đảo về ý thức bảo vệ độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc, khắc phục tình trạng cục bộ, tùy tiện trong quan hệ với các nước làm phương hại đến chủ quyền lợi ích quốc gia. Tiếp tục chấn chỉnh đưa công tác đối ngoại quốc phòng - an ninh vào nền nếp, đạt hiệu quả. Tùy tình hình trên từng tuyến biên giới, biển, đảo để có hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời, sát thực tế về công tác đối ngoại, đảm bảo lưu thông hàng hóa trên biển và hàng không, phục vụ hội nhập quốc tế. Tích cực tham mưu đề xuất với Đảng, Nhà nước, Quốc hội các giải pháp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ có ý nghĩa lịch sử bảo vệ độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; ký Nghị định thư bổ sung Hiệp định nghề cá với Trung Quốc, thúc đẩy quá trình đàm phán giải quyết vấn đề về vùng biển giữa Việt Nam - Trung Quốc,... để từng bước ổn định lâu dài.

Hợp tác quốc phòng - an ninh giải quyết các vấn đề nảy sinh trên biên giới, vùng trời, vùng biển, đảo là một nội dung quan trọng của công tác đối ngoại quốc phòng - an ninh quốc gia nhằm tạo môi trường hòa bình, ổn định, xây dựng vùng biển, hải đảo hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng và khu vực, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia và quyền tài phán trên biển trong tình hình mới.

Trần Nam Chuẩn // <http://hoinguoidibien.vn>

XÂY DỰNG TÌNH QUÂN - DÂN NƠI BIÊN GIỚI

Báo Tin tức Cuối tuần số 20 đã đăng tải Chuyên đề "Bộ đội biên phòng giúp dân làm kinh tế", ghi nhận các mô hình sản xuất giữa Bộ đội biên phòng với người dân, giúp đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, thoát nghèo. Thiếu tướng Lê Như Đức, Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ đội Biên phòng khẳng định Bộ đội Biên phòng đã tham gia một cách thiết thực và hiệu quả trong công tác củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giúp bà con phát triển kinh tế ở khu vực biên giới.

Xin đồng chí cho biết về hiệu quả phong trào phát huy truyền thống "4 cùng" trong lực lượng Bộ đội Biên phòng?

Biên giới quốc gia vững mạnh, ổn định là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho một quốc gia độc lập duy trì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững. Chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ phải được quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt, có hiệu quả và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng Bộ đội Biên phòng (BĐBP) giữ vai trò nòng cốt, chuyên trách. Bộ đội Biên phòng luôn xem "Đồn là nhà, biên giới là quê hương, đồng bào dân tộc là anh em ruột thịt" để "4 cùng", tham gia củng cố hệ thống chính trị, giúp bà con phát triển kinh tế.



Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Cửa khẩu Chi Ma tỉnh Lạng Sơn tham gia làm đường giúp nhân dân.

Các đơn vị BĐBP đã trực tiếp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các địa phương về củng cố hệ thống tổ chức chính trị ở cơ sở và trực tiếp tham gia cấp ủy, chính quyền các xã biên giới; tham mưu đề ra các chủ trương, giải pháp nhằm xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, nhất là hoạt động của tổ chức Đảng và công tác phát triển đảng viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tham mưu xây dựng, bổ sung các quy

ché, quy định và duy trì nền nếp sinh hoạt Đảng ở địa phương, đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo trong duy trì chế độ sinh hoạt Đảng và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền ở cơ sở.

Cùng với cấp ủy, chính quyền các địa phương, các đơn vị BĐBP và cán bộ biên phòng tăng cường xã đã rà soát, xây dựng kế hoạch xóa "thôn, bản trắng tổ chức Đảng và đảng viên". Trong những năm qua, trên địa bàn khu vực biên giới cả nước, BĐBP đã xóa được 572 thôn, bản trắng đảng viên, phát triển được 17.228 đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng tổ chức Đảng ở địa phương vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức Đảng và đảng viên và là cầu nối quan trọng giữa Đảng với đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Tham mưu, phối hợp với cấp ủy, chính quyền các xã biên giới xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng như: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, các tổ an ninh nhân dân, Hội Người cao tuổi... Nhiều địa bàn biên giới "trắng tổ chức" quần chúng, nhưng đến nay đã thành lập, xây dựng đủ các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể quần chúng.

Bên cạnh đó, các hoạt động giao lưu, kết nghĩa giữa các đoàn thể quần chúng với các đồn biên phòng cũng được thường xuyên tổ chức, qua đó xây dựng được các phong trào, mô hình xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương như giúp nhau làm kinh tế, xóa đói giảm nghèo bền vững, các tổ tàu thuyền an toàn làm chủ, nghiệp đoàn nghề cá, nhà tình thương, hũ gạo tiết kiệm, lớp học tình thương trên đảo... đã hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực.

Tính đến nay, toàn lực lượng BĐBP đã có 308 cán bộ BĐBP tăng cường các xã biên giới, trong đó có 15 đồng chí giữ chức Bí thư, 218 đồng chí giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã. Đội ngũ cán bộ tăng cường xã đã chủ động tham mưu, tham gia cùng cấp ủy, chính quyền các xã biên giới triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương như Chương trình 135, 134, Nghị quyết 30a, Nghị quyết 80 của Chính phủ và phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" rất thiết thực và có hiệu quả cao.

Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của BĐBP trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

Đội ngũ cán bộ biên phòng tăng cường xã đã tham mưu rà soát, đánh giá cụ thể về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, từ đó xây dựng kế hoạch, đề ra chủ trương, giải pháp và đề xuất phương án đầu tư, hỗ trợ, từng bước xây dựng khu vực biên giới vững mạnh. Đến nay, nhiều xã, phường biên

giới đã thực hiện được hàng trăm dự án vừa và nhỏ, xây dựng đầy đủ cơ sở hạ tầng ở khu vực biên giới như: Làm đường giao thông, thủy lợi, xây dựng trường học, trạm y tế, kéo điện lưới quốc gia về các thôn, bản, xóa mù về thông tin và truyền thông... với tổng số tiền lên đến hàng trăm tỉ đồng. Qua đó đã giúp 101 xã biên giới từ yếu, kém vươn lên trung bình, 192 xã từ trung bình vươn lên khá về kinh tế - xã hội.

Các đồn biên phòng đã tổ chức xây dựng các mô hình giúp dân phát triển kinh tế - xã hội, mỗi đơn vị lựa chọn một mô hình giúp dân cụ thể, gắn với quy hoạch dân cư và phát triển kinh tế hộ gia đình... Bằng nhiều hình thức và cách làm hiệu quả của các đơn vị, đến nay nhiều mô hình phát triển kinh tế đang được nhân rộng ở nhiều địa phương, mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế hộ gia đình, được cấp ủy, chính quyền và nhân dân đánh giá cao, như: Chương trình "Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới, hải đảo" đã xây dựng được gần 7.000 ngôi nhà đại đoàn kết tặng đồng bào nghèo và 277 công trình dân sinh, với tổng trị giá hơn 300 tỷ đồng; chương trình "Bò giống giúp người nghèo nơi biên giới" đã trao tặng cho đồng bào nghèo hơn 24.000 con bò giống, tổng trị giá 360 tỷ đồng.

Đặc biệt là: Dự án bảo tồn dân tộc La Hủ ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; dân tộc Đan Lai ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; dự án thủy lợi Rục Làn trồng lúa 2 vụ một năm tại xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu triển khai các mô hình nuôi dưỡng các cháu học sinh; BDBP thành phố Hải Phòng triển khai mô hình du lịch cộng đồng gắn với phát triển bền vững ở xã Việt Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, lực lượng BDBP đang thực hiện cuộc vận động "Nâng bước em tới trường" trên địa bàn khắp cả nước. Các đơn vị đã nhận đỡ đầu 2.731 cháu học sinh (500.000 đồng/tháng/cháu) từ lớp 1 đến lớp 12, trong đó có 17 cháu hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đưa về các đồn biên phòng nuôi ăn học và 153 cháu học sinh bên kia biên giới của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Thực hiện đối ngoại nhân dân để xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Các đơn vị BDBP còn tham gia cùng địa phương thực hiện tốt công tác y tế, giáo dục ở khu vực biên giới; tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, giáo dục sức khỏe dân số - kế hoạch hóa gia đình; tiếp tục thực hiện chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học cho các cháu ở khu vực biên giới, góp phần tô thắm thêm hình ảnh tốt đẹp về "Bộ đội Cụ Hồ", về người "Thầy giáo quân hàm xanh", "Thầy thuốc quân hàm xanh" trong lòng cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc ở khu vực biên giới.

Việt Hoàng // <http://baotintuc.vn>

TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT HIỆU QUẢ Ở BIÊN GIỚI BIỂN BÌNH THUẬN

Với nhiều cách làm hay, sáng tạo, nhiều năm qua, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của BĐBP Bình Thuận đã đạt nhiều kết quả khả quan. Không chỉ từng bước nâng cao sự hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân khu vực biên giới biển, những nỗ lực không ngừng của các đồn, trạm Biên phòng Bình Thuận còn góp phần kéo giảm tội phạm, giữ vững ổn định an ninh chính trị, an ninh nông thôn trên địa bàn đóng quân.



Cán bộ Trạm Kiểm soát Đồn Biên phòng Phước Lộc tuyên truyền, PBGDPL cho ngư dân trước mỗi chuyến đi biển. Ảnh: Đăng Bảy

Nhiều cách làm hay, sáng tạo

Theo kế hoạch, 8 giờ, buổi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) mới bắt đầu nhưng từ sáng sớm, tại Nhà văn hóa thôn Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong đã vang lên giai điệu những bài hát trữ tình ca ngợi quê hương, đất nước, tình yêu biển cả bao la. Ông Lê Thiện Hùng, Trưởng thôn Vĩnh Tiến nói, ở vùng quê này, mỗi khi có sự kiện gì đều làm vậy, vừa vui nhộn, vừa là nhạc hiệu báo cho bà con biết đã gần đến giờ hội họp, để họ chủ động, thu xếp việc nhà đến cho đúng giờ. Khoảng 7 giờ, một số cán bộ xã, các trưởng thôn, đại diện Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cũng đã có mặt. Mọi người tất bật phối hợp với Đồn Biên phòng Liên Hương kê lại bàn ghế, dọn dẹp vệ sinh, chuẩn bị nước uống...

Ông Nguyễn Văn Tâm, Phó Chủ tịch UBND xã Vĩnh Tân cho biết: Mặc dù BĐBP là đơn vị tổ chức, nhưng diễn ra trên địa bàn xã nên chúng tôi luôn có ý thức phối hợp thực hiện. Chính nhờ những buổi tuyên truyền, PBGDPL như vậy nên ý thức

chấp hành pháp luật của người dân đã được nâng lên, trật tự an toàn xã hội ngày càng được củng cố, số vụ vi phạm pháp luật ngày càng giảm.

Chưa đến giờ khai mạc, hội trường thôn đã chật kín người, Thượng tá Nguyễn Xuân Ngọc, Đồn trưởng Đồn Biên phòng Liên Hương phải nhờ Trưởng thôn Lê Thiện Hùng huy động thêm 50 ghế nhựa nữa cho bà con đến sau. Anh nói, hội trường thôn chật nên chỉ phát 160 giấy mời, nhưng phần lớn bà con ở đây là ngư dân nên tuy không có giấy mời, họ vẫn tới nghe vì nội dung thiết thực, liên quan trực tiếp đến việc làm ăn trên biển của bà con.

Trao đổi với chúng tôi, Thượng tá Nguyễn Thanh Tùng, Phó Chủ nhiệm Chính trị BĐBP Bình Thuận cho biết: Dịp này, đơn vị sẽ tập trung tuyên truyền về chủ quyền biển đảo, về Luật Biển Việt Nam, về các nhiệm vụ, giải pháp ngăn chặn tàu cá, ngư dân ta khai thác hải sản bất hợp pháp tại vùng biển nước ngoài... Đây cũng là những nội dung mà bà con rất thích nghe.

Ông Nguyễn Hồng (thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân), chủ tàu 360CV nói với chúng tôi: “Mình là chủ tàu nhưng bao nhiêu năm nay, mỗi khi ra biển, cứ làm theo thói quen, theo tập quán chứ đâu có nghĩ tới việc đúng sai theo quy định của pháp luật. Cũng đã từng có người bị bắt, bị xử phạt vì vô ý để tàu trôi dạt sang vùng biển nước ngoài. Từ ngày hiểu Luật Biển Việt Nam rồi, mỗi lần ra khơi, chúng tôi thấy yên tâm hơn, không lo bị bắt nữa vì biết chắc chắn rằng “sóng vỗ dưới thân tàu là sóng quê hương”... Chính vì thế nên lần nào BĐBP tổ chức tuyên truyền, PBGDPL, tôi hoặc vợ con tôi đều đi dự rồi về nói lại cho cả nhà cùng nghe”.

Thượng tá Tùng cho biết: Từ đầu năm 2018 đến nay, các đồn, trạm, đơn vị BĐBP trong tỉnh đã tổ chức gần 98 buổi tuyên truyền, PBGDPL cho hơn 8.400 lượt người. Ngoài ra, các đồn Biên phòng đã cử gần 450 lượt cán bộ, chiến sĩ thường xuyên bám địa bàn, vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng chống di cư trái phép.

Ý thức chấp hành pháp luật được nâng cao

Lâu rồi chúng tôi mới có dịp rong ruổi khắp nơi từ thành thị đến thôn quê, từ La Gi, Hàm Tân tới Phan Rí Cửa, Tuy Phong hay Bắc Bình..., tỉnh Bình Thuận. Ở đâu, chúng tôi cũng bắt gặp khung cảnh bình yên, thơ mộng, cảnh người dân chân chất, thật thà vùng nắng gió nơi cực Nam Trung bộ chí thú, chăm chỉ làm ăn.

Chuyện trò với chúng tôi, phần lớn ngư dân đều khẳng định, những năm gần đây, ý thức, nhận thức về pháp luật của người dân đã được nâng lên nhiều là do BĐBP thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, nói chuyện về thời sự, về pháp luật, rồi cấp phát các băng đĩa, các tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Một số lão ngư ở các huyện vùng biển La Gi, Hàm Tân, Tuy Phong... còn rành rọt đọc cho chúng tôi nghe những quy định khi ra biển đánh bắt hải sản, đặc biệt là không được vi phạm vùng biển nước ngoài.

Theo ông Phạm Văn Nam, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban PBGDPL tỉnh Bình Thuận: Thời gian qua, UBND tỉnh luôn chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức

quán triệt, triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, chặt chẽ, hiệu quả đề án tuyên truyền, PBGDPL. Do đó ý thức chấp hành pháp luật của phần lớn cán bộ, nhân dân được nâng lên, an ninh nông thôn cơ bản ổn định. Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh khu vực biên giới biển, đảo, góp phần xây dựng thể trận biên phòng toàn dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc.

Thời gian qua, các đồn, đơn vị Biên phòng tỉnh Bình Thuận cũng đã tham mưu cho các địa phương củng cố, kiện toàn 36 Tổ tư vấn pháp luật, hướng nghiệp với 127 thành viên trong thực hiện đề án, làm nòng cốt cho công tác tuyên truyền, PBGDPL tại địa phương. Đồng thời, phối hợp với địa phương tổ chức cho 455 chủ thuyền, thuyền trưởng ký cam kết không vi phạm vùng biển nước ngoài đánh bắt hải sản; tiến hành đưa 11 chủ thuyền vi phạm ra kiểm điểm trước dân. Tổ chức sinh hoạt 126 Tổ tự quản an ninh trật tự, 225 Tổ tàu thuyền đoàn kết đánh bắt hải sản trên biển...

Là ngư trường lớn thứ 3 của cả nước nên Bình Thuận thu hút khá lớn lượng tàu thuyền các tỉnh bạn đến khai thác hải sản. Toàn tỉnh có 7.411 tàu thuyền, 41.707 lao động, trong đó có 1.289 tàu từ 300CV trở lên. Những năm qua, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới biển của tỉnh (gồm 7 huyện, thị xã, thành phố với 36 xã, thị trấn) cơ bản ổn định, song vẫn nổi lên một số tình hình đáng chú ý như: Tàu nước ngoài vi phạm vùng nước nội thủy; ngư dân vi phạm vùng nước biển nước ngoài; tranh chấp ngư trường, khai thác hải sản bằng chất nổ; buôn lậu, gian lận thương mại...

Đại tá Đinh Văn Sáu, Chính ủy BDBP Bình Thuận cho biết, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh luôn xác định: Công tác tuyên truyền, PBGDPL cần phải được đổi mới về hình thức, tạo sự hấp dẫn về nội dung, không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng. Trong đó, chú ý tập trung vào những khu vực trọng điểm, các đối tượng đặc thù. Ví dụ, thị xã La Gi là địa phương có nhiều tàu thuyền xâm phạm vùng biển nước ngoài, nên trong năm 2018, BDBP tỉnh đã phối hợp với các lực lượng chức năng tổ chức 6 buổi tuyên truyền đối với các chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân ở đây về vấn đề này. Hay đơn vị đã phối hợp với Tổ chức Di cư quốc tế (IOM) tại Việt Nam trao đổi, đối thoại về "Di cư an toàn và di cư trái phép từ Việt Nam sang Ô-xtrây-li-a bằng tàu thuyền" trên địa bàn huyện Phú Quý và thị xã La Gi được 4 buổi/1.251 người dự nghe.

Từ những nỗ lực không ngừng của BDBP trong tuyên truyền, PBGDPL đã giúp cho người dân nêu cao ý thức trách nhiệm, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật khi hành nghề trên biển, nhất là không xâm phạm vùng biển của các nước tiếp giáp để đánh bắt hải sản. Qua đó, góp phần động viên ngư dân tích cực vươn khơi, bám biển, sẵn sàng tham gia đấu tranh, giữ vững chủ quyền, an ninh biển, đảo Tổ quốc.

TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT VỀ BIỂN ĐẢO CHO NGƯ DÂN

Là ngư trường lớn của tỉnh, huyện Phú Quý đã thu hút khá lớn lượng tàu thuyền của ngư dân địa phương và các tỉnh đến khai thác hải sản. Những năm qua, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới biển cơ bản ổn định. Song vẫn nổi lên một số tình hình đáng chú ý như tàu nước ngoài vi phạm vùng nước nội thủy; ngư dân vi phạm vùng nước biển nước ngoài; tranh chấp ngư trường, khai thác hải sản bằng chất nổ...



Tàu thuyền của ngư dân đi đánh bắt xa bờ neo đậu tại Cảng Phú Quý. Ảnh: Đình Hòa

Tiềm năng từ biển

Phú Quý không chỉ nổi tiếng về đánh bắt hải sản xa bờ mà còn được biết đến với dịch vụ “hậu cần nghề cá” với những tàu thu mua, chế biến hải sản ngay trên biển. Đây là địa phương đầu tiên của cả nước xuất hiện mô hình này và phát triển mạnh, hiệu quả cao với số lượng tàu thuyền tham gia hàng trăm chiếc. Đa số người dân ở đây làm nghề đánh bắt và thu mua hải sản. Ngư trường Phú Quý rộng lớn, có trữ lượng cá rất lớn, lại có rất nhiều loại hải sản quý hiếm như hải sâm, ngoài ra đáy biển Phú Quý còn có san hô và các loại rong quý. Chính vì vậy, ngư trường ở Phú Quý từ lâu vẫn được coi là thế mạnh về kinh tế.

Theo đó địa phương này đã thực hiện các chính sách khuyến khích phù hợp, nhân dân đã đầu tư phát triển các phương tiện khai thác, chuyển đổi ngành nghề. Hầu hết các tàu thuyền ở Phú Quý đã được trang bị những thiết bị hàng hải hiện đại, phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả khai thác và bám biển dài ngày. Ở Phú Quý, hàng năm có hàng trăm lượt tàu thuyền của ngư dân đi đánh bắt xa bờ

thuộc vùng biển quần đảo Trường Sa. Ở đây, đã hình thành đội tàu công suất lớn chuyên thu mua và cung ứng dịch vụ nghề cá trên biển, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân bám biển dài ngày, tiết kiệm chi phí sản xuất thay cho việc phải vào bờ sau mỗi chuyến đi. Ngư dân đánh bắt cá được đến đâu thì các tàu này mua ngay đến đó. Các tàu làm dịch vụ có trang bị hầm lạnh, thu mua hải sản của ngư dân và chế biến ngay trên biển, nên hải sản của Phú Quý rất tươi và chất lượng. Không chỉ thu mua hải sản của ngư dân trên biển, các tàu hậu cần còn cung cấp đá lạnh, các loại hàng hóa thiết yếu phục vụ sinh hoạt trên biển cho ngư dân. Chính vì thế, sản lượng bình quân khai thác của huyện Phú Quý hàng năm đạt trên 20.000 tấn hải sản các loại.

Tuyên truyền pháp luật về biển đảo

Với nhiều lợi thế từ kinh tế biển, nhưng việc chấp hành về pháp luật về biển đảo của ngư dân nơi đây vẫn còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy, chính quyền địa phương, trong đó đơn vị Ban Chỉ huy Quân sự huyện rất quan tâm đến công tác tuyên truyền pháp luật về biển đảo đến ngư dân. Đây là hoạt động thiết thực giúp các ngư dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Thời gian qua, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về biển đảo luôn được Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự huyện quan tâm phối hợp với Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng Phú Quý, Phòng Tư pháp và Ban Tuyên giáo huyện đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền chủ quyền biển đảo cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên địa bàn. Đặc biệt, chú ý tập trung tuyên truyền cho các chủ phương tiện tàu thuyền hành nghề đánh bắt xa bờ.

Qua công tác tuyên truyền nhân dân đã nắm, hiểu, nêu cao trách nhiệm bảo vệ an ninh trật tự, chấp hành và thực hiện theo quy định không vi phạm đánh bắt vùng biển các nước. Trong tổ chức huấn luyện các lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, ngoài chương trình giáo dục chính trị theo quy định, Ban Chỉ huy Quân sự huyện còn chỉ đạo cơ quan chính trị tổ chức chiếu phim tài liệu liên quan đến các chuyên đề bảo vệ biển đảo. Qua đó đã nâng cao cảnh giác, ý thức trong việc bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo của Tổ quốc, không vi phạm vùng biển tiếp giáp khi đánh bắt hải sản, sẵn sàng tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển Việt Nam.

Từ những nỗ lực trong công tác tuyên truyền đã giúp cho người dân nêu cao ý thức trách nhiệm, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật khi hành nghề trên biển, nhất là không xâm phạm vùng biển của các nước tiếp giáp để đánh bắt hải sản. Qua đó, còn góp phần động viên ngư dân tích cực vươn khơi, bám biển dài ngày...

BIỂN ĐẢO VÀ CHIẾN SĨ HẢI QUÂN

1 Nói đến hải quân là nói đến giữ gìn biển đảo. Ngày xưa, cha ông ta có tầm nhìn xa trông rộng, từ mấy trăm năm trước đã khẳng định chủ quyền của mình đối với biển đảo khi đưa quân lính ra giữ gìn biển đảo, như thành lập đội Hoàng Sa, vượt sóng gió ra quần đảo Hoàng Sa để bảo vệ chủ quyền biển đảo, khai thác hải sản thu lợi nhuận. Ngày xưa, tàu thuyền thô sơ, thiên nhiên khắc nghiệt, đã có nhiều đội thuyền ra đi nhưng không trở về, vậy mà công việc này vẫn được tiến hành thường xuyên, liên tục. Dân gian có câu:

“Hoàng Sa trời nước mênh mông

Người đi thì có nhưng không thấy về...”

Và cha ông ta đã tổ chức lễ khao lề thế lính Hoàng Sa để tri ân những người không trở về như một lễ truy điệu cho những người chiến sĩ đã ngã xuống vì chủ quyền biển đảo ngoài khơi xa. Câu chuyện lịch sử ấy thật hào hùng, khí phách làm sao!



Các chiến sĩ Hải quân quân ôn lại lịch sử trận chiến hào hùng trên vùng biển Trường Sa và diễn biến trận chiến đấu bảo vệ đảo Gạc Ma - quần đảo Trường Sa năm 1988

2. Hơn nửa thế kỷ trước, khi đất nước đang bộn bề xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam, Bác Hồ của chúng ta đã nhắc nhở: “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng. Ngày nay ta có trời có biển. Bờ biển ta dài, tươi đẹp. Ta phải biết giữ gìn lấy nó”. Từ chỗ chỉ có 2 hải đội, Hải quân Việt Nam đã trở thành quân chủng hùng mạnh với đầy đủ phương tiện, vũ khí, khí tài, lực lượng tướng lĩnh,

cán bộ, chiến sĩ hùng hậu, dũng cảm, can trường, tinh nhuệ... qua đó cho thấy sự quan tâm sâu sắc, cụ thể của Đảng, Nhà nước, nhân dân đối với lực lượng Hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam.

3. Là người đã hai lần đến quần đảo Trường Sa, một lần theo dấu hành trình đường Hồ Chí Minh trên biển, được ăn, ở, được sinh hoạt, tìm hiểu cuộc sống và huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của bộ đội hải quân, tôi hiểu sâu sắc về những vất vả, gian lao, hy sinh to lớn của bộ đội hải quân. Tôi tự nghĩ: gian lao, vất vả, hy sinh, thì bộ đội hải quân là gian lao, vất vả hy sinh nhiều nhất, cả trong thời bình lẫn thời chiến. Trên đất liền, dù khó khăn đến đâu, xa xôi cách trở đến đâu vẫn có hạnh phúc là được lặn mình vào đất, được nghe chim hót, tiếng nước suối chảy; được thoải mái rau xanh, được gặp gỡ nhiều người dân khác nhau ở địa bàn. Khi bố mẹ, người thân có đau ốm, việc trọng, có thể cất phép về nhà. Hải quân – nhất là cán bộ chiến sĩ giữ đảo, nhà giàn, hải đội, không thể như vậy. Đảo nhỏ, thân thuộc đến độ các chiến sĩ có thể quen từng viên sỏi, gốc cây; có phép cũng không được “cất” được về nhà. Thời bình mà cũng như là thời chiến, khi có chiến sĩ trẻ vừa cưới vợ đã phải biệt lập cả năm trời, con sinh ra bố không về được, bố mẹ mất không kịp về chịu tang... phải ý chí lắm, quyết tâm lắm, can trường lắm mới có thể vượt qua khó khăn, thử thách đó.



Bia chủ quyền của Việt Nam trên đảo Trường Sa

Tôi được ba lần tham gia lễ tưởng niệm chiến sĩ hải quân hy sinh, mỗi lần tham gia tôi lại thấy sự hy sinh đó thật lớn lao. Tôi từng nghĩ, có những chiến sĩ hy sinh đến hai lần. Lần thứ nhất là khi ngã xuống; lần thứ hai là không còn thân xác để trở về đất liền. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, rất nhiều cán bộ chiến sĩ ta đã ngã xuống, dù hàng chục năm như anh Lý Tự Trọng,

người đoàn viên thanh niên Cộng sản đầu tiên của chúng ta, sau 80 năm bị thực dân Pháp tử hình, vẫn có ngày được về quê. Còn khi các chiến sĩ hải quân ngã xuống, hy sinh trên biển – điều đó có nghĩa là ở lại mãi mãi với muôn trùng khơi. 64 chiến sĩ đã ngã xuống ở Gạc Ma trong trận chiến giữ đảo ngày 14/3/1988, được biết, có một ít xương cốt đã được tìm thấy trong thân chiếc tàu hải quân đắm sau 20 năm, hòa lẫn với nước biển. Không phân biệt được của ai, tất cả đều trộn lẫn...

Nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết từng kể: “Khi đến thăm Trường Sa, mình cứ nghĩ là mình giáo dục anh em, nhưng khi mình đến thì chính anh em giáo dục lại mình. Anh em đều rất trẻ, nhưng rất ý chí, rất can trường, biết chấp nhận gian khổ hy sinh”. Chính vì vậy mà tình cảm của nhân dân, của thanh niên đối với cán bộ chiến sĩ hải quân là rất lớn. Khi những chương trình, những cuộc vận động hướng về biển đảo được phát động, ngay lập tức nhận được sự hưởng ứng tích cực. Lấy ví dụ như chương trình “Góp đá xây Trường Sa”, khi báo Tuổi Trẻ phát động, lập tức nhận được sự ủng hộ của toàn xã hội. Có em bé nghèo, nhịn ăn sáng để ủng hộ; có cụ già khi hấp hối kêu con cháu để tiền phúng điếu ủng hộ; có người bán vé số, mỗi ngày tích lại ít tiền hoa hồng ủng hộ.

4. Biển, đảo là một phần rất quan trọng đối với Quốc phòng – an ninh, phát triển kinh tế, mở cửa ra thế giới; và hiện nay, vấn đề tranh chấp biển càng trở nên nóng bỏng, gay gắt, trong đó có vấn đề biển Đông. Điều đó lại đặt cán bộ chiến sĩ Quân chủng Hải quân vào một tư thế mới, tình hình mới, gian lao hơn, vất vả hơn, đòi hỏi sự cống hiến, hy sinh lớn hơn. Toàn Đảng, toàn dân và toàn xã hội luôn luôn hướng về biển đảo và Đoàn Thanh niên cũng có nhiều hành động, phong trào cụ thể để cùng chia sẻ những khó khăn, vất vả, hy sinh của cán bộ, chiến sĩ hải quân, nhân dân các huyện đảo, và ngư dân đánh bắt xa bờ. Hiện nay, ngoài “Góp đá xây dựng Trường Sa”, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đang chỉ đạo tất cả tổ chức Đoàn các địa phương có cán bộ, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ trên đảo có các hình thức hỗ trợ, giúp đỡ gia đình các đồng chí bằng những việc làm cụ thể như thăm hỏi, tặng quà, hỗ trợ học tập, chăm sóc khi đau yếu...; giao lưu kết nghĩa với các đảo, viết thư thăm hỏi bộ đội Trường Sa... Thường xuyên phối hợp Quân chủng Hải quân tổ chức những chuyến “Hành trình vì biển đảo quê hương”, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về biển đảo thông qua sinh hoạt Đoàn, phương tiện truyền thông của Đoàn, Đoàn Thanh niên sẽ luôn sát cánh, kề vai cùng với lực lượng thanh niên Quân đội nói chung, tuổi trẻ Quân chủng Hải quân nói riêng để động viên, cổ vũ các đồng chí vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ toàn vẹn biển đảo, thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc.

BIỂN ĐẢO TRONG TRÁI TIM TUỔI TRẺ

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của biển, đảo đối với phát triển kinh tế - xã hội, gìn giữ Quốc phòng – An ninh, đồng thời cũng như là một tình cảm tự nhiên về tình yêu quê hương, đất nước thông qua tình yêu biển đảo, từ nhiều năm trước, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã có những chương trình hướng về biển, đảo. Những chương trình, phong trào hoạt động đó được kế thừa, phát triển, được làm mới với nhiều các làm sáng tạo có giá trị thực tiễn, góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền biển đảo, tạo được sự ủng hộ sâu rộng của thanh thiếu niên và xã hội trong các chương trình hướng về biển, đảo của Tổ quốc. Có thể nêu 2 minh chứng:

Minh chứng thứ nhất, đó là cách đây khoảng 20 năm, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã đăng ký đưa lực lượng TNXP Hải Phòng ra xây dựng đảo Bạch Long Vĩ. Sau 5 năm xây dựng cơ sở hạ tầng, năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý xây dựng Đảo Bạch Long Vĩ thành đảo Thanh Niên. Với sự năng động, cần cù, ý chí vượt qua khó khăn, thử thách của lực lượng thanh niên xung phong và nhân dân nơi đây, Bạch Long Vĩ trở thành huyện đảo phát triển như ngày nay. Kế thừa kinh nghiệm và thành công này, năm 2001, Đoàn thanh niên tiếp tục đăng ký xây dựng đảo Cồn Cỏ thành đảo Thanh Niên. Hiện nay, đảo Thanh Niên Cồn Cỏ có nhiều công trình văn hóa, xã hội, dân sinh tương đối đồng bộ, có nhiều hộ gia đình thanh niên xung phong đến lập nghiệp, hàng chục cháu được sinh ra trên đảo.



500 sinh viên xếp chữ "Vững chủ quyền khởi nghiệp từ biển" tại bãi biển Triều Dương - Phú Quý

Minh chứng thứ hai, từ năm 1998, Đoàn thanh niên đã triển khai phong trào “Nghĩa tình biên giới, hải đảo” với nhiều hoạt động cụ thể như tuyên truyền về biển đảo, viết thư thăm hỏi bộ đội Trường Sa, kết nghĩa giữa đơn vị Đoàn Thanh niên trong đất liền với các đơn vị bộ đội công tác trên các đảo, các vùng biên giới; nhận giúp đỡ gia đình chiến sĩ công tác ở biên giới, hải đảo; thực hiện các công trình hướng về Trường Sa thân yêu như nhà kính trồng rau, tháp sáng Trường Sa...

Trở lại với công tác tuyên truyền biển đảo, có thể nói, chính các hoạt động phong phú của Đoàn trên công tác tuyên truyền, thể hiện trên các mặt sau:

Thứ nhất, tuyên truyền thông qua các sinh hoạt Đoàn, Hội, Đội:

Ban Bí thư Trung ương Đoàn thường xuyên chỉ đạo các cấp bộ Đoàn tổ chức các diễn đàn thanh niên, buổi sinh hoạt chuyên đề, thi tìm hiểu, tập huấn, giao ban, hội nghị, hội thảo, triển lãm... để tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa X) về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”; các nội dung về biển, đảo về các chứng cứ lịch sử cũng như căn cứ pháp lý theo công ước Luật biển 1982 khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa; định hướng dư luận thanh niên trước các vấn đề về tranh chấp trên biển Đông... qua đó giúp đoàn viên, thanh niên nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của biển, đảo, tầm lược địa trong phát triển kinh tế, giữ vững quốc phòng, an ninh; xây dựng tình yêu biển đảo trong tình yêu Tổ quốc và các quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta trong ứng xử các vấn đề trên biển Đông. Đoàn thanh niên các cấp đã tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, nói chuyện thời sự về chủ quyền biển đảo Tổ quốc và tình hình biển Đông cho đoàn viên thanh niên; đồng thời vận động thanh thiếu niên tham gia ủng hộ nguồn lực, kinh phí, chăm lo đời sống, học tập cho con em chiến sĩ đang làm nhiệm vụ nơi biên giới, hải đảo, hỗ trợ các bộ, chiến sĩ và nhân dân Trường Sa; tăng cường kết nghĩa với các đơn vị, địa phương nơi biên giới, hải đảo..., góp phần bảo đảm quốc phòng an ninh, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí nơi biên giới, hải đảo.

Thứ hai, tuyên truyền thông qua các hoạt động thực tiễn



Chương trình góp đá xây Trường Sa

Các hoạt động thực tiễn nhằm tuyên truyền về biển, đảo của Đoàn khá phong phú, phù hợp với nhu cầu của tuổi trẻ và có hiệu quả cao. Cuộc vận động “Nghĩa tình biên giới, hải đảo” được phát động từ năm 1998 với nhiều hoạt động thiết thực đã đi vào tình cảm của đoàn viên thanh niên. Để làm mới các hoạt động của mình và tăng

thêm sự thuyết phục trong tuyên truyền vận động thanh niên, từ năm 2008, Ban Bí thư Trung ương Đoàn đã phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân tổ chức hành trình “Tuổi trẻ vì biển đảo quê hương” theo định kỳ mỗi năm 1 lần, đưa đoàn viên thanh niên tiêu biểu đến thăm quân, dân huyện đảo Trường Sa. Từ các chuyến đi này, nhiều nội dung tuyên truyền về biển, đảo và các công trình thanh niên về biển, đảo và các công trình thanh niên có ý nghĩa xã hội to lớn đã được thực hiện như “Góp đá xây dựng Trường Sa”, “Đồng hành cùng ngư dân trẻ ra khơi”, “Thắp sáng Trường Sa”, “Nước ngọt cho Trường Sa”...

Chương trình “Góp đá xây Trường Sa” xuất phát từ việc một bạn sinh viên ở thành phố Hồ Chí Minh khi được Trung ương Đoàn chọn tham gia hành trình “Tuổi trẻ vì biển đảo quê hương” với chủ đề “Doanh nhân ra biển, sinh viên ra đảo” (năm 2011) đã mang theo một nắm đất để góp phần làm cho đảo bớt nhỏ trước biển. Câu chuyện nhiều cảm xúc và đầy ý nghĩa này là một gợi ý cho báo Tuổi Trẻ phát động chương trình “Góp đá xây Trường Sa”. Chương trình không chỉ tác động trong phạm vi của Đoàn thanh niên mà lan tỏa ra xã hội. Đến nay, chương trình đã nhận được sự đóng góp của hàng chục vạn tập thể, cá nhân, mà trong số họ, có những người đi bán ve chai, em học sinh nhỏ nhặn ăn sáng, thanh niên công nhân để dành phần tiền tăng ca, hoặc cụ già trước khi “quy tiên” đã dặn con cháu sử dụng tiền phúng điếu “làm việc nước”... Chỉ trong vòng 9 tháng, chương trình “Góp đá xây Trường Sa” đã nhận được hơn 42 tỉ đồng đóng góp, cho thấy tình cảm, trách nhiệm, sự tự nguyện của thanh niên, nhân dân trước các vấn đề biển đảo... là vô cùng to lớn. Khi chúng ta biết khơi đúng mạch thì hiệu quả mang đến rất lớn.

Song song với “Góp đá xây Trường Sa”, Trung ương Đoàn cũng chỉ đạo báo Thanh Niên thực hiện chương trình “Đồng hành cùng ngư dân trẻ ra khơi” để giúp đỡ, hỗ trợ ngư dân trẻ trong mua sắm ngư lưới cụ, khắc phục khó khăn khi gặp sự cố tàu thuyền, mưa bão; hỗ trợ học bổng cho con em học tập tốt... Chương trình đã giúp đỡ nhiều ngư dân trẻ yên tâm bám biển, bám ngư trường, khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở các ngư trường trên biển Đông.

Năm 2011, nhân kỷ niệm 50 năm ngày mở đường Hồ Chí Minh trên biển (23/10/1961 – 23/10/2011), một đợt tuyên truyền về biển đảo đặc biệt được Trung ương Đoàn và Bộ Tư lệnh Hải quân phối hợp thực hiện qua 2 hoạt động lớn, là “Hành trình theo dấu tích đường Hồ Chí Minh trên biển” và Cuộc thi tìm hiểu “Huyền thoại đường Hồ Chí Minh trên biển”. Hành trình này có thể nói là một hành trình lịch sử, đã đưa thế hệ thanh niên ngày nay và các cựu thủy thủ tàu không số năm xưa trở lại cung đường huyền thoại trên biển, từ bến K20 Hải Phòng đến Vàm Lũng – Cà Mau với các chặng cập bến là các điểm dừng để đưa vũ khí, thuốc men từ miền Bắc chi viện cho miền Nam chiến đấu 50 năm trước; đã tạo nên một sự kiện giáo dục lịch sử, sự kiện truyền thông lớn của năm 2011. Cuộc thi “Huyền thoại đường Hồ Chí Minh trên biển” thu hút trên 2,5 triệu đoàn viên, thanh niên và nhân dân gửi bài dự thi là một hoạt động tự giáo dục lớn, có sức lan tỏa mạnh mẽ, với rất nhiều bài viết hay, đầy cảm xúc, trình bày công phu. Hai hoạt động trên tạo ra nhiều chất liệu sinh động để hệ thống báo chí khai thác, tuyên truyền.

Một hoạt động thực hiện khác hiện đang được xúc tiến triển khai đó là phát huy kinh nghiệm và kết quả đã đạt được trong xây dựng đảo thanh niên Bạch Long Vĩ và đảo thanh niên Cồn Cỏ, Trung ương Đoàn tiếp tục nghiên cứu và đã trình Thủ tướng Chính phủ Đề án quy hoạch Đảo Thanh niên toàn quốc giai đoạn 2011 – 2020, nhằm tiếp tục phát huy hiệu quả xây dựng đảo thanh niên, bao gồm: Đảo Trần (huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh), đảo Hòn Chuối (huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau), Đảo Thổ Chu (huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang). Việc xây dựng các đảo thanh niên sẽ góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế xã hội, củng cố an ninh quốc phòng giáo dục cho thanh thiếu niên nhận thức sâu sắc vai trò trách nhiệm trong xây dựng giữ gìn biển đảo, tham gia phát triển kinh tế biển, làm giàu lên từ biển...

Thứ ba, tuyên truyền thông qua hệ thống báo chí, xuất bản của Đoàn.

Hệ thống báo chí, xuất bản của Đoàn là “binh chủng” truyền thông lớn, mạnh mẽ, có nhiều đề tài hay trong tuyên truyền về biển đảo. Hệ thống tin bài tập trung vào 3 mảng cơ bản:

- Về vị trí, vai trò, tiềm năng của biển đảo Việt Nam.
- Khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với các đảo, quần đảo trên biển Đông (Hoàng Sa, Trường Sa); đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực cơ hội, thù địch và nước ngoài.
- Xây dựng cuộc sống, khai thác tài nguyên, phát triển kinh tế trên biển, đảo
- Các chương trình, phong trào, tình cảm của nhân dân cả nước hướng về biển đảo và quân dân trên đảo.

Đặc biệt, tuyên bài khẳng định chủ quyền của Việt Nam và đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực cơ hội, thù địch và nước ngoài có nhiều bài hay, được nghiên cứu sâu với nhiều tư liệu có giá trị như: “Hoàng Sa, Trường Sa chưa từng xuất hiện trong lịch sử địa đồ Trung Quốc”, “Thu thập hơn 100 tư liệu, hiện vật liên quan đến hải đội Hoàng Sa”, “Biển Đông không phải ao nhà của Trung Quốc”, “Trung Quốc tự mâu thuẫn về ‘đường lưỡi bò’”, “Luật Quốc tế và chủ quyền Việt Nam trên hai đảo Hoàng Sa và Trường Sa”... hoặc hệ thống bài viết ca ngợi ngư dân bám biển, khẳng định chủ quyền, ca ngợi tình yêu biển đảo như loạt bài “Đất thiêng trên biển Đông”, “Cả đời bám biển”, “Ngư dân liên kết bám biển”, “Thắp sáng nhà giàn ĐK”...

Có thể nói, công tác tuyên truyền về biển, đảo của Đoàn thanh niên từ Trung ương đến cơ sở, từ sinh hoạt, hoạt động thực tiễn đến hệ thống thông tin đại chúng... thời gian qua khá tích cực, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của đoàn viên, thanh niên về trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền biển đảo; vun đắp tình cảm, nâng cao trách nhiệm của thanh niên trong việc chia sẻ, giúp đỡ và tham gia có hiệu quả các hoạt động hướng về đồng bào, chiến sĩ, thanh thiếu nhi nơi biên giới, hải đảo; đồng thời nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của tuổi trẻ trong việc tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Dương Văn An // <http://www.baobinhthuan.com.vn>

GIÁO DỤC TÌNH YÊU BIỂN ĐẢO TRONG NHÀ TRƯỜNG

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Những năm gần đây, công tác tuyên truyền, giáo dục về biển, đảo Việt Nam được tăng cường thực hiện trong nhà trường.

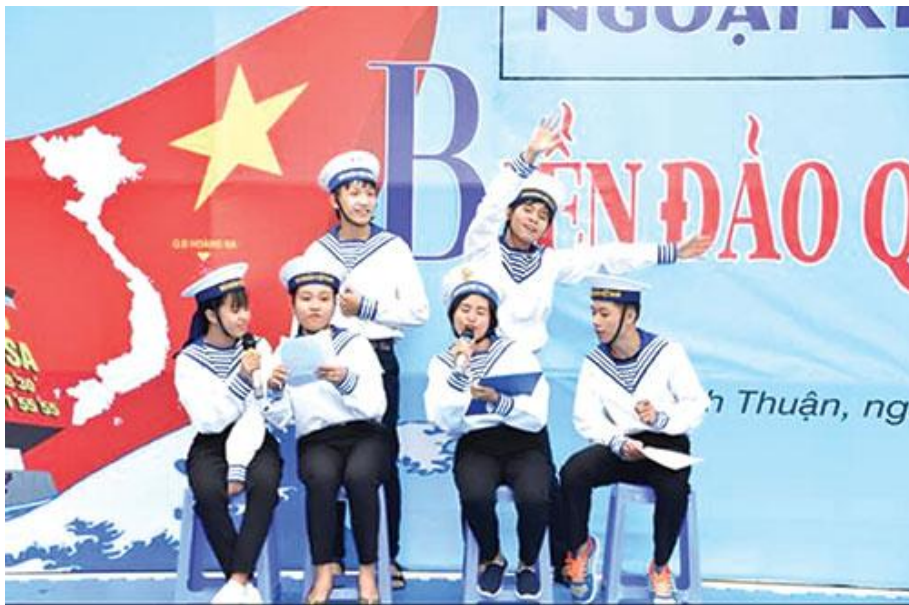
Tại Trường THCS & THPT Lê Lợi (TP. Phan Thiết) công tác tuyên truyền, giáo dục về biển, đảo Việt Nam được chú trọng thực hiện đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhất là đối với học sinh. Nội dung tuyên truyền, giáo dục được nhà trường lồng ghép, tích hợp trong các tiết học chính khóa của các môn địa lý, lịch sử, giáo dục công dân, giáo dục quốc phòng. Ngoài nội dung trong các chuyên đề của bộ tài liệu, giáo viên bộ môn chủ động sưu tầm, bổ sung những thông tin mới, xây dựng bài giảng về chủ quyền biển, đảo thêm phong phú, đa dạng để học sinh dễ hiểu, dễ nhớ và thường xuyên tổ chức thi tìm hiểu kiến thức về biển đảo. Để đổi mới hình thức tuyên truyền, mới đây trường đã tổ chức hoạt động ngoại khóa “biển đảo quê hương” thu hút cán bộ, giáo viên và học sinh toàn trường tham gia.



Chương trình ngoại khóa diễn ra với nhiều hoạt động thiết thực như mời báo cáo viên tuyên huấn Lữ đoàn 681 về truyền đạt các nội dung biển đảo; thành lập các đội thi tìm hiểu kiến thức về biển đảo; biểu diễn các tiết mục văn nghệ và giải đáp những câu hỏi thắc mắc của học sinh. Em Trần Mai Thơ - lớp 12 Trường Lê Lợi chia sẻ: “Qua các môn học và hoạt động ngoại khóa chúng em nắm được rất nhiều kiến thức và hiểu rõ hơn về vai trò, chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Từ đó, các em nhận thức được rằng mình cần phải tích cực rèn luyện, nỗ lực học tập và phát huy vai trò, trách

nhệm của tuổi trẻ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc”. Còn cô Hà Thị Sen - Nhóm trưởng nhóm sử - địa - giáo dục công dân trường cho biết, hoạt động tuyên truyền, giáo dục biển, đảo tại trường đã nâng cao được nhận thức cho cán bộ, nhân viên, giáo viên và học sinh về vai trò, vị trí chiến lược của biển, đảo Việt Nam.

Giáo dục được ý thức và trách nhiệm của học sinh trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên vùng biển và môi trường biển đảo. Hơn hết, thông qua các hoạt động giáo dục, tuyên truyền về biển, đảo mỗi học sinh sẽ là một tuyên truyền viên tích cực, đem những kiến thức đã được học giới thiệu với người thân, gia đình và cộng đồng xã hội”.



Hoạt động ngoại khóa “biển đảo quê hương” tại Trường Lê Lợi.

Theo Sở Giáo dục và Đào tạo, những năm học qua, hoạt động tuyên truyền về biển, đảo cho cán bộ, giáo viên và học sinh được chú trọng thực hiện trong trường phổ thông trên địa bàn tỉnh. Riêng năm học 2018 - 2019, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai nhiều hội nghị tập huấn cấp tỉnh cho lãnh đạo trường phổ thông, giáo viên phụ trách công tác Đoàn của trường THPT; tổ chức các đợt truyền thông cho học sinh thông qua triển lãm bản đồ và trưng bày tư liệu chủ đề “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý”. Cùng với đó, các trường THCS, THPT đã mời báo cáo viên của Bộ Tư lệnh Vùng 2 hải quân, Lữ đoàn 681 về tuyên truyền cho giáo viên và học sinh. Mặt khác, tăng cường công tác tích hợp giảng dạy đảm bảo yêu cầu lồng ghép các nội dung tuyên truyền về biển đảo Việt Nam trong các bài học của môn lịch sử, ngữ văn, địa lý, giáo dục công dân nhằm giáo dục lòng yêu nước và tự hào dân tộc. Qua đó, nâng cao nhận thức cho học sinh về vấn đề biển đảo và chủ quyền lãnh thổ, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các em trong học tập và rèn luyện góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

PHÚ QUÝ “ĐỔI ĐỜI”

Những ngày cận Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019, người dân huyện đảo Phú Quý (tỉnh Bình Thuận) liên tiếp đón nhận nhiều tin vui.

Ngay khi UBND tỉnh Bình Thuận chính thức công bố quyết định phê duyệt quy hoạch Khu du lịch Phú Quý đến năm 2030 thì chiếc tàu cao tốc thứ 3, tuyến Phan Thiết - Phú Quý và ngược lại, chính thức đi vào hoạt động, đã tạo luồng gió mới, tiếp thêm sức bật cho hòn đảo giữa trùng khơi. Nhiều du khách khi đặt chân đến huyện đảo xinh đẹp này đã phải thốt lên: “Phú Quý thật sự đã đổi đời!”.



Du khách lên tàu cao tốc hiện đại ra đảo Phú Quý du lịch

Đảo xa như gần lại

Những ngày cận tết, tại cảng Phan Thiết (tỉnh Bình Thuận), tôi quyết định mua chiếc vé tàu cao tốc Phú Quý Express vừa được hạ thủy để cùng với hơn 300 hành khách khác ra đảo Phú Quý. Trên chiếc giường nệm êm ái, máy điều hòa mát rượi, nhiều người tưởng như mình đang nằm trên một con tàu 5 sao nào đó. Mặc cho những đợt sóng dữ dội đang chồm lên bên ngoài mạn tàu, con tàu vẫn lướt đi êm ả, hành khách nhanh chóng đi vào giấc ngủ một cách thư thái. Bất chợt, tiếng loa thông báo trên tàu vang lên: “Tàu sắp cập cảng Phú Quý, hành khách chuẩn bị hành lý để lên đảo”. Lúc này, nhiều người tỉnh giấc, ngơ ngác hỏi nhau: “Tới nơi rồi à? Sao nhanh thế?”. Lật đồng hồ ra xem, một vài người còn chưa dám tin khi chỉ mất hơn 3 giờ đồng hồ, con tàu đã vượt biển hơn 56 hải lý để cập cảng Phú Quý.

Vừa đặt chân lên đảo, tôi mượn xe máy của những người làm dịch vụ cho thuê xe ngay bến cảng với giá 100.000 đồng/ngày để tự mình khám phá hòn đảo này. Tiếp tôi, ông Nguyễn Văn Linh, Trưởng phòng Kinh tế - Tài chính huyện Phú Quý, niềm nở cho biết, đảo có diện tích tự nhiên khoảng 17km², dân số trên 27.000 người sinh sống ở 3 xã Long Hải, Ngũ Phụng và Tam Thanh. Trước đây, điều kiện cuộc sống của người dân huyện đảo gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, những năm gần đây, với sự phát triển về mọi mặt, đảo đã thay đổi rõ rệt.

Hơn 30 năm có mặt trên huyện đảo để cứu người, bác sĩ Bùi Đình Lĩnh, nguyên Giám đốc Trung tâm Y tế quân dân y huyện đảo Phú Quý, còn nhớ như in những ngày đầu đặt chân lên đảo: “Ngày ấy, cuộc sống của dân đảo vô cùng khó khăn, nguồn nước ngọt

khan hiếm, không điện, đường sá và các cơ sở vật chất khác được xây dựng rất tạm bợ. Khi ấy, để vào đất liền người dân phải chờ cả tuần, có khi nửa tháng mới có thuyền đi, mỗi lần đi phải lênh đênh trên biển cả ngày trời mới tới nơi. Vậy nên, không chỉ các bác sĩ mà còn nhiều người ở các ngành nghề khác không ai đủ kiên nhẫn, chịu khổ để bám đảo”.

Từ năm 2014, Phú Quý bắt đầu được cung cấp điện 24/24 giờ, kinh tế huyện đảo bắt đầu phát triển mạnh, nhất là lĩnh vực đánh bắt và chế biến hải sản xa bờ. Tiếp đó, từ năm 2015 đến nay, người dân huyện đảo liên tiếp đón nhận 3 con tàu trung và cao tốc hiện đại, thay thế cho những tàu vận tải lạc hậu. Thời gian từ đảo về đất liền và ngược lại được rút ngắn từ 7-8 giờ xuống chỉ còn gần 3 giờ. Khi khoảng cách được rút ngắn, du khách bắt đầu chú ý đến vùng đất xinh đẹp này. Thế rồi, những người dân chân chất nơi đảo xa bỗng chốc trở thành những hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp, những chủ nhà hàng, khách sạn với đầy đủ các dịch vụ tiện nghi không thua kém gì so với đất liền.

Du lịch cất cánh

Được sự giới thiệu của UBND huyện Phú Quý, tôi tìm đến gặp ông Dương Văn Vĩ, một trong những người tiên phong kinh doanh du lịch trên huyện đảo. Về chân chất, hiền hậu của một ngư dân “chính hiệu” không giống vẻ giám đốc của một khu du lịch sinh thái có tiếng ở đảo. Ông Vĩ thổ lộ: “Cách đây chừng 10 năm, tôi vốn là một ngư dân. Rồi một lần có dịp vào đất liền đi chơi, tôi nhận thấy nơi mình sống cảnh đẹp không thua kém bất kỳ nơi nào nhưng lại chưa được khai thác. Về lại đảo, tôi mạnh dạn lên ý tưởng và nhanh chóng được chính quyền địa phương ủng hộ”. Thế nhưng, dù đã có nhiều cố gắng, nhưng việc kinh doanh của ông Vĩ gặp rất nhiều khó khăn do phương tiện ra vào đảo chưa phát triển. “Mãi đến những năm 2014 - 2015, sự xuất hiện của con tàu trung tốc đầu tiên đã thực sự tạo điều kiện thuận lợi để du lịch Phú Quý đi lên”, ông Vĩ chia sẻ.

Cũng kể từ đó, đảo Phú Quý như có một “luồng gió mới” thổi về. Khắp nơi trên đảo, người người đua nhau xây nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng, quán ăn... để phục vụ lượng du khách trong và ngoài nước. Nhiều bạn trẻ nhận thấy cơ hội này đã mạnh dạn đưa những mô hình du lịch mới lạ vào phục vụ như: dịch vụ lưu trú homestay, các tour khám phá đảo, lặn ngắm san hô, trải nghiệm một ngày làm ngư dân. Cứ thế, hòn đảo nhỏ nghèo nàn, lạc hậu ngày nào nay nhộn nhịp, sôi động không thua kém gì so với bất kỳ nơi nào trên đất liền.

Trước sức hút du lịch ở huyện đảo ngày càng cao, một số công ty, đơn vị liên tiếp đầu tư và đưa vào sử dụng tàu cao tốc hiện đại. Chẳng vậy mà trong năm 2018, huyện đảo đã đón gần 20.000 lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan, lưu trú. Theo UBND huyện Phú Quý, năm 2018, huyện đảo đều hoàn thành tất cả các tiêu chí về kinh tế, xã hội. Đặc biệt, trong lĩnh vực phát triển du lịch, lượng du khách ngày càng tăng lên, các dịch vụ phát triển nhanh chóng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Ngồi trên những chiếc bè nổi trên biển của những người dân huyện đảo, tôi chợt nhớ đến sự kiện UBND tỉnh Bình Thuận vừa công bố quyết định phê duyệt quy hoạch Khu du lịch Phú Quý đến năm 2030. Theo quy hoạch, khu du lịch sẽ khai thác hiệu quả các thế mạnh về tài nguyên sinh thái biển, yếu tố văn hóa và con người để xây dựng thương hiệu đặc trưng cho huyện đảo. Với những gì Phú Quý đã và đang có, việc đặt mục tiêu đến năm 2025 đưa Phú Quý cơ bản trở thành khu du lịch trọng điểm của Bình Thuận, phát huy tiềm năng lợi thế về du lịch nghỉ dưỡng biển đảo gắn với di sản, tìm hiểu văn hóa biển, ẩm thực biển sẽ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Nguyễn Tiên // <http://www.sggp.org.vn>